Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 03.10.2019 09:09:33 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 346 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 02 tháng 10 năm 2019*

BÁO CÁO
Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 05/3/2019 của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020;

UBND tỉnh Tây Ninh báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020 như sau:

Phần thứ nhất
TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2010-2020 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2010-2019

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Thực trạng nông thôn trước khi thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM

Tây Ninh là tỉnh biên giới vùng Đông Nam bộ, gồm 8 huyện, 01 thành phố và 80 xã (trong đó có 20 xã biên giới với trên 240km đường biên giới). Vị trí địa lý của tỉnh có những điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ du lịch với hệ thống cơ sở hạ tầng thuận lợi (đặc biệt là hệ thống giao thông, cảng, cơ sở chế biến,...); điều kiện tự nhiên ít chịu ảnh hưởng của thiên tai nên thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM.

Tỉnh bắt đầu triển khai xây dựng NTM với xuất phát điểm thấp; thực trạng năm 2010 của các xã (theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ

tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về NTM), bình quân mỗi xã chỉ đạt 3,1 tiêu chí, có 68 xã đạt dưới 5 tiêu chí. Cơ sở hạ tầng thiết yếu của các xã không đáp ứng được yêu cầu của tiêu chí (giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, chợ); thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn 17,3 triệu đồng/người, tỷ lệ lao động qua đào tạo 45%, tỷ lệ người dân tham gia BHYT chỉ đạt 26,92%; phần lớn các cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô nhỏ chưa xử lý tốt chất thải để đạt tiêu chuẩn môi trường. Cán bộ cơ sở năng lực còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, cán bộ công chức cấp xã đạt chuẩn chiếm 65,63%. An ninh nông thôn còn tiềm ẩn những yếu tố bất ổn chưa được giải quyết triệt để.

2. Hạn chế, bất cập

Sản xuất nông nghiệp phát triển thiếu quy hoạch, chưa ổn định, còn chịu nhiều yếu tố rủi ro. Một số cơ chế chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn triển khai thực hiện còn chậm; cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch chậm; chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn chưa cao, quan hệ hợp tác trong sản xuất, kinh doanh còn nhiều hạn chế; kinh tế tập thể phát triển chậm.

Đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận nhân dân còn khó khăn. Hạ tầng giao thông, y tế, văn hóa, giáo dục,... một số khu vực còn khó khăn, nông thôn phát triển thiếu quy hoạch, quản lý và sử dụng đất đai hiệu quả không cao... Công tác thông tin, tuyên truyền chưa sâu rộng, chưa tạo sự chuyển biến về nhận thức trong các tầng lớp nhân dân về mục tiêu ý nghĩa của chương trình.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Vai trò chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành của các cấp, các ngành trong xây dựng NTM giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần IX và X phấn đấu đến cuối năm 2015 có 20% xã và đến 2020 có 50% xã hoàn thành 19 tiêu chí; năm 2011, Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh (giai đoạn 2010-2015 là Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM) đã tham mưu Tỉnh ủy chỉ đạo triển khai công tác xây dựng NTM trên địa bàn toàn tỉnh (Chương trình số 12-CTr/TU ngày 26/4/2012 Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh "về phát triển NTM gắn với phát triển đô thị và bố trí các điểm dân cư; phát triển công nghiệp, dịch vụ và làng nghề trên địa bàn tỉnh đến năm 2015".

Ban chỉ đạo họp theo quy chế định kỳ hàng quý và họp Thường trực đột xuất để nắm thông tin, xử lý những khó khăn vướng mắc; phân công các thành viên phụ trách hỗ trợ, đôn đốc tiến độ thực hiện Chương trình tại các xã phấn đấu xây dựng NTM. Chỉ đạo Văn phòng Điều phối thường xuyên phối hợp với các sở, ngành thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tiến độ tại các huyện, thành phố và các xã. Hàng năm, Ban chỉ đạo làm việc với UBND các huyện tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn của địa phương, trong đó tập trung giải quyết những vướng mắc tại các xã phấn đấu đạt chuẩn. Các sở, ngành tỉnh xây dựng

kế hoạch, hướng dẫn địa phương thực hiện, đánh giá tiêu chí, chỉ tiêu do sở, ngành phụ trách; tham mưu UBND tỉnh ban hành các kế hoạch, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, trong đó phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã thực hiện Chương trình giai đoạn 2010-2020; các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nội dung thực hiện tiêu chí NTM.

Ban chỉ đạo các huyện, thành phố thường xuyên kiện toàn và chỉ đạo các thành viên BCĐ, tổ giúp việc hướng dẫn đôn đốc các xã hoàn thành công tác quy hoạch và đề án xây dựng NTM. Về mặt chỉ đạo, điều hành: chỉ đạo các xã tổ chức sơ kết định kỳ năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM. Thường xuyên củng cố thành viên Ban Chỉ đạo, Ban quản lý xã, Ban phát triển ấp; tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ; tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM; thực hiện các nội dung theo kế hoạch xây dựng NTM theo chỉ đạo và hướng dẫn của cấp trên.

2. Hoàn thiện hệ thống khung khổ pháp luật và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình

2. Hoàn thiện hệ thống khung khổ pháp luật và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình

a) Giai đoạn I (2011 - 2015)

UBND tỉnh ban hành các kế hoạch, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, trong đó đã phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã thực hiện Chương trình giai đoạn 2010-2020; kế hoạch tuyên truyền giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM giai đoạn 2012-2015; quy định về cơ cấu phân bổ nguồn vốn xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội xã NTM giai đoạn 2011-2015; các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nội dung thực hiện tiêu chí NTM.

b) Giai đoạn II (2016 - 2020)

Tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình như: Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2016 - 2020 và hàng năm; Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020; Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018 - 2020; Kế hoạch truyền thông, tuyên truyền Chương trình giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM giai đoạn 2018-2020; Danh mục dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020; Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua Tây Ninh chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2016 -2020 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã NTM trên địa bàn tỉnh;...

Về đầu tư: Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư hạ tầng kinh tế-xã hội xã NTM giai đoạn 2016-2020 và được UBND tỉnh triển khai tại Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016,

trong đó tăng tỷ lệ ngân sách tỉnh hỗ trợ (so với giai đoạn 2011-2015) cho các huyện khó khăn: Dương Minh Châu, Châu Thành, Bến Cầu trong đầu tư giao thông, chợ nhằm giảm đối ứng của các huyện và giảm tỷ lệ đóng góp của người dân theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2003/TTg-KTN ngày 05/11/2015 về việc huy động vốn đóng góp của dân để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM.

Căn cứ quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020, Tỉnh đã lập kế hoạch đầu tư trung hạn (2016-2020) và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

Việc duy trì, nâng cao chất lượng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội đối với các xã đạt chuẩn NTM đã được Tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện trong kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm đều có nội dung chỉ đạo UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch duy trì, giữ vững, nâng cao chất lượng đối với các tiêu chí đã đạt được, nhất là tại các xã đã đạt chuẩn NTM; thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng đã được đầu tư đạt chuẩn. Đối với các công trình được đầu tư bằng nguồn ngân sách có sự quản lý, giám sát về chất lượng theo các quy định, thủ tục về đầu tư XDCB. Đối với các công trình do người dân, cộng đồng vận động, tự thực hiện (chủ yếu là cứng hóa các tuyến đường xóm, liên gia) tuy không có sự quản lý, giám sát về chất lượng theo các quy định, thủ tục về đầu tư XDCB nhưng đã đáp ứng được yêu cầu cứng hóa, không lầy lội vào mùa mưa của Bộ tiêu chí xã NTM.

Các cơ quan tham mưu tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn các huyện, thành phố thực hiện Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM theo Quyết định số 1200/QĐ-UBND; quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình MTQG trung hạn và hàng năm; chế độ báo cáo định kỳ, chuyên đề thực hiện Chương trình. Công bố các thiết kế mẫu, các chỉ tiêu thiết kế các công trình phục vụ xây dựng NTM như: Trung tâm VHTT và HTCĐ; Nhà văn hoá ấp, Văn phòng ấp; thiết kế mẫu phòng học mầm non 5 tuổi; mẫu thiết kế, chi phí xây dựng công trình nhà tiêu thấm dội 02 ngăn; nhà ở cho hộ nghèo (04 mẫu); nhà ở nông thôn.

(Chi tiết kèm theo Phụ lục I)

3. Xây dựng đồng bộ hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Mô hình tổ chức bộ máy chỉ đạo Chương trình từ cấp huyện đến xã, ấp

Trong giai đoạn 2011-2015, Ban chỉ đạo xây dựng NTM được thành lập ở 3 cấp (tỉnh, huyện, xã); Chủ tịch UBND tỉnh kiêm nhiệm Trưởng Ban chỉ đạo cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố kiêm nhiệm Trưởng Ban chỉ đạo cấp huyện, Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm Trưởng Ban chỉ đạo cấp xã; ở ấp có Ban phát triển ấp do Bí thư Chi bộ ấp làm Trưởng Ban.

Bộ phận giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp: Cấp tỉnh có Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM đặt tại Chi cục Phát triển nông thôn

(kiêm nhiệm); cấp huyện có Tổ công tác hoặc Tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo do Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện và Phòng Kinh tế thành phố Tây Ninh làm Tổ trưởng. Cấp xã có công chức kiêm nhiệm giúp việc cho Ban chỉ đạo xã và Ban quản lý cấp xã.

Giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Tây Ninh; 9/9 huyện, thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG. Hệ thống giúp việc việc Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, huyện có Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh, cấp huyện, hoặc Tổ chuyên viên giúp việc. 80/80 xã tiếp tục duy trì, kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xây dựng NTM, Ban phát triển các ấp.

b) Kết quả kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban Chỉ đạo các huyện, xã theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2010 - 2020 được Trưởng ban Ban Chỉ đạo xây dựng NTM tỉnh thành lập ngày 14/10/2011 tại Quyết định số 2097/QĐ-BCĐ và đã 02 lần thay đổi nhân sự. Có 06/09 UBND huyện, thành phố đã thành lập Văn phòng Điều phối xây dựng NTM giai đoạn 2016-2018, gồm: Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành, Hòa Thành, Gò Dầu, Thành phố Tây Ninh. Việc thành lập Văn phòng Điều phối cấp tỉnh, huyện căn cứ theo các văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương; chức năng, nhiệm vụ được quy định tại các quyết định thành lập. UBND tỉnh không ban hành văn bản riêng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh, cấp huyện.

c) Đánh giá chung về những thuận lợi, hạn chế liên quan đến bộ máy chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình

Việc thành lập Ban chỉ đạo các cấp, nhất là Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình ở cấp xã đã giúp nâng cao vai trò, trách nhiệm của Đảng bộ, chính quyền, các cấp, quan tâm trong công tác chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của cơ sở; rút được nhiều kinh nghiệm ở các năm tiếp theo.

Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh đã tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh những nội dung có liên quan đến Chương trình như: Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình; đề xuất kế hoạch vốn (chủ yếu là vốn sự nghiệp); tuyên truyền, tập huấn xây dựng NTM; chỉ đạo công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát; tổng hợp báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất; thẩm định xã đạt chuẩn NTM; chuẩn bị các cuộc họp, hội nghị của Ban Chỉ đạo, UBND tỉnh. Văn phòng Điều phối xây dựng NTM cấp huyện bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng NTM cấp huyện cơ bản đã giúp Ban Chỉ đạo xây dựng NTM cấp huyện quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn.

Tuy nhiên, nhìn chung bộ phận giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp phần lớn đều kiêm nhiệm, chưa được tổ chức thành bộ máy theo hệ thống và chuyên nghiệp nên hiệu quả công tác tham mưu, theo dõi Chương trình còn hạn chế.

4. Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng NTM ở cấp huyện, xã

a) Kết quả về tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ thực hiện Chương trình

Trên cơ sở Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM thuộc Chương trình MTQG về xây dựng NTM của Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh ban hành 04 Quyết định về việc kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM giai đoạn 2011 – 2020. Tổng số cán bộ đã được đào tạo, bồi dưỡng 5.270 người, trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo Chương trình khung 3.744 người (485 cán bộ cấp tỉnh, huyện, 3.259 cán bộ xã, ấp); tập huấn chuyên đề: 08 lớp, 461 người (cán bộ trực tiếp thực hiện công tác tham mưu, tổng hợp, báo cáo Chương trình cấp huyện, xã). UBND các huyện, thành phố tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo Chương trình khung 1.065 người (cán bộ làm công tác xây dựng NTM ở xã, ấp).

b) Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo

Thời gian mở lớp cho cán bộ cấp tỉnh, huyện 02 ngày, cán bộ cấp xã, ấp 03 ngày, đảm bảo truyền đạt những kiến thức cơ bản về xây dựng NTM; nội dung, tài liệu cung cấp đầy đủ cho học viên các cấp những kiến thức cần thiết phục vụ triển khai các nội dung xây dựng NTM. Công tác đào tạo, tập huấn đã giúp cho cán bộ xây dựng NTM các cấp có những kiến thức cơ bản về nội dung, trình tự triển khai xây dựng NTM; nắm vững phương pháp thực hiện các tiêu chí nông thôn mới và kịp thời đề ra các giải pháp, xây dựng kế hoạch, báo cáo kết quả tổng hợp cho Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xây dựng NTM khi thực hiện các tiêu chí cụ thể.

Về phương pháp, hình thức: Giảng viên giảng dạy ở tất cả các lớp đều sử dụng hình thức trình chiếu (sử dụng máy chiếu, hình ảnh) để truyền tải kiến thức cho học viên; mỗi chuyên đề có thời gian thảo luận giữa giảng viên và học viên. Đối với các lớp cho cán bộ xã, ấp có 01 buổi thực hành theo nhóm (lập đề án xây dựng NTM, lập dự án Phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi ở cấp xã) và báo cáo, thuyết trình tại lớp học. Việc sử dụng nhiều hình ảnh minh hoạ, dành nhiều thời gian thảo luận, làm việc nhóm giúp cho chất lượng của các lớp đào tạo, tập huấn đạt hiệu quả cao nhất.

Tuy nhiên, còn một số mặt hạn chế như: Trình độ cán bộ cấp xã, ấp không đồng đều và thường xuyên thay đổi, ảnh hưởng đến việc tiếp thu về mục đích, nội dung, nguyên tắc và phương pháp xây dựng NTM, nhất là công tác theo dõi, tổng hợp, báo cáo tiến độ triển khai thực hiện Chương trình và nội dung thực hành theo yêu cầu của giảng viên. Hầu hết các lớp tập huấn không đủ kinh phí tổ chức cho học viên tham quan, học tập thực tế.

5. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng NTM

a) Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn

Công tác tuyên truyền được quan tâm, tập trung thực hiện, nội dung này được xác định là nội dung quan trọng nhằm thay đổi, nâng cao nhận thức về chương trình, huy động sự tham gia của toàn xã hội, đặc biệt là nâng cao vai trò

chủ thể của người dân trong chung sức xây dựng NTM. Tỉnh đã ban hành Kế hoạch truyền thông, tuyên truyền giai đoạn và hàng năm, các Sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và địa phương đã chủ động triển khai tuyên truyền với nhiều hình thức như:

- Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì biên soạn, phát hành bộ tài liệu tuyên truyền Chương trình MTQG xây dựng NTM, gồm 48.500 quyển Sổ tay hỏi, đáp và 111.500 tờ rời để các tổ chức ban, ngành, đoàn thể, các địa phương làm tài liệu học tập, tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách công tác xây dựng NTM.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, Ban Dân vận Tỉnh uỷ ban hành nhiều văn bản định hướng, chỉ đạo công tác tuyên truyền xây dựng NTM; phản ánh thông tin của tỉnh, hoạt động của các sở, ban, ngành trong việc xây dựng NTM; các hoạt động triển khai chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM ở các huyện, thành phố và các xã. Tổ chức điều tra dư luận xã hội đối với các tầng lớp nhân dân tại các địa phương đang thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh.

- Trong giai đoạn 2011-2020, toàn tỉnh đã tổ chức tuyên truyền 55.328 cuộc với trên 2.401.275 lượt cán bộ, chiến sĩ, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân tham dự. Hình thức tuyên truyền được lồng ghép với triển khai, học tập các Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các buổi tiếp xúc cử tri, họp tổ dân cư tự quản và thông qua các phong trào của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Mặt trận Tổ quốc các cấp triển khai tuyên truyền, thực hiện 5 nội dung cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" gắn với tham gia thực hiện 12 tiêu chí xây dựng NTM. Triển khai hướng dẫn nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng NTM cấp huyện, cấp xã.

- Các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Tỉnh đoàn), các tổ chức xã hội (Hội Người cao tuổi, Hội Chữ thập đỏ, Liên hiệp các hội Khoa học – Kỹ thuật) triển khai nhiều cuộc vận động như "Nông dân chung sức xây dựng NTM", "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch", "Cựu chiến binh tham gia xây dựng NTM", "Tuổi trẻ Tây Ninh chung tay xây dựng NTM"; "Mỗi tổ chức, cá nhân gắn liền với một địa chỉ nhân đạo", ký kết liên tịch với Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện các nội dung xây dựng NTM.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: phát hành trên 300 đĩa tuyên truyền cổ động; hàng năm tổ chức từ 1-2 cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn chuyên đề tuyên truyền xây dựng NTM, chương trình văn nghệ cổ động, kịch bản tuyên truyền phục vụ cơ sở; lắp đặt 780m^2 panô, 2.100 băng rôn ngang, phướn tuyên truyền; tổ chức 342 buổi tuyên truyền tại cơ sở về xây dựng NTM; phối hợp các ngành, cấp, Hội Văn học nghệ thuật, Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh tổ chức cuộc thi sáng tác tân cổ nhạc với chủ đề "Tây Ninh, chung tay xây dựng NTM", có 61 bài dự thi của 33 tác giả; tổ chức Liên hoan văn nghệ 25 xã điểm xây dựng NTM, chương trình Ấp vui chơi, ca hát. Đặc biệt, bài hát "Chung

một niềm tin' của tác giả Hồng Vy đạt giải nhất tại Hội thi sáng tác ca khúc về NTM do Ban Chỉ đạo NTM Trung ương tổ chức.

- Sở Thông tin và Truyền thông: lập chuyên mục "Xây dựng NTM trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, đăng tin, bài về hoạt động xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh.

- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh: thực hiện mỗi tháng 02 đến 03 phóng sự tuyên truyền về công tác xây dựng NTM; Nông nghiệp – Nông thôn (3 chuyên mục/tuần, mỗi tháng 6-7 chuyên mục); chuyên mục "Xây dựng NTM" mỗi tuần/01 lần (với thời lượng 15 phút/chuyên mục, mỗi tháng 4-5 chuyên mục); 132 chương trình Tây Ninh xây dựng NTM (mỗi tháng 01 chương trình); hàng tuần có 02 đến 03 bản tin, phóng sự ngắn được phát sóng trong chương trình Thời sự nhằm phản ánh kịp thời những diễn biến của quá trình xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh.

- Báo Tây Ninh phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện 45 chuyên trang NTM; hàng tuần đăng từ 2-3 tin phản ánh công tác xây dựng NTM tại chuyên mục "nông nghiệp, nông thôn".

- Thực hiện Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Tây Ninh chung sức xây dựng NTM" giai đoạn 2016 - 2020, các sở, ngành, đoàn thể tỉnh, địa phương đã có kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện thông qua các phong trào như: "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh", "Lực lượng vũ trang tỉnh chung sức xây dựng NTM", "Tuổi trẻ Tây Ninh chung tay xây dựng NTM", xây dựng gia đình "5 không, 3 sạch",...; UBND, BCĐ xây dựng NTM cấp huyện đã triển khai và phát động phong trào thi đua chung sức xây dựng NTM ở từng địa phương; giao chỉ tiêu xây dựng NTM cho các xã và ban hành thang điểm thi đua để thực hiện.

b) Kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng NTM"; cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh "...

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp cùng lực lượng vũ trang tỉnh, Sư đoàn Bộ Binh 5, Quân khu 7 vận động nhân dân đóng góp 110.731 ngày công lao động, hiến 122.017m2 đất để làm 58km đường giao thông nông thôn, đóng góp tiền mặt để mua đất, đá nhằm tu sửa, nâng cấp 321tuyến đường giao thông nông thôn với chiều dài 327km; gắn trên 8.000 bóng đèn thắp sáng đường quê, trị giá trên 2,4 tỷ đồng; vận động quỹ "Vì người nghèo" của Mặt trận Tổ quốc các cấp được 79,97 tỷ đồng; xây và bàn giao 1.839 căn nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, trị giá 124,74 tỷ đồng, sửa chữa 189 căn, trị giá trên 1,8 tỷ đồng, đến nay cơ bản đã hoàn thành việc xây nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ cho 22.815 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn với số tiền 307,43 tỷ đồng; hỗ trợ cây con giống, vốn sản xuất chăn nuôi, tạo việc làm cho 1.120 lượt người với số tiền 23,76 tỷ đồng.

Ban Vận động Quỹ "Vì người nghèo tỉnh hỗ trợ 343 con trâu, bò sinh sản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; nâng tổng số trâu, bò sinh sản của 12 dự án lên 1.003 con trâu, bò với số tiền 23,94 tỷ đồng, qua đó góp phần giúp các hộ

nghèo, hoàn cảnh khó khăn có điều kiện phát triển sản xuất, tăng thu nhập ổn định cuộc sống, kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo ở địa phương; vận động các nhà hảo tâm, các đơn vị doanh nghiệp tặng 158.645 phần quà, trị giá 46,4 tỷ đồng; hỗ trợ người nghèo, chăm lo trẻ em mồ côi, người tàn tật, với số tiền trên 85 tỷ đồng; trong đó, Mặt Trận Tổ quốc tỉnh hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng bảo trợ xã hội, người già, trẻ em mồ côi, người tàn tật số tiền 720 triệu đồng.

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xây tặng, bàn giao 07 căn nhà đồng đội, 36 căn nhà tình nghĩa, trị giá 3,01 tỷ đồng, nâng cấp, sửa chữa 326 căn nhà cho các đối tượng, trị giá 579 triệu đồng và 950 ngày công lao động, thăm tặng quà cho 1.893 gia đình chính sách, nhân dân nghèo, số tiền 3,3 tỷ đồng; giúp dân thu hoạch vụ mùa 3.476 ngày công; tổ chức thăm tặng quà các đối tượng chính sách, nông dân nghèo, đồng bào có đạo, dân tộc thiểu số 12.136 phần quà, trị giá 3,276 tỷ đồng; tổ chức thẩm định và đề nghị ra quyết định chi trả chế độ chính sách cho 6.109 người/14,797 tỷ, theo các quyết định của Chính phủ; tổ chức khám bệnh, cấp thuốc miễn phí kết hợp tặng quà cho 2.774 đối tượng thuộc diện chính sách, gia đình chính sách và Nhân dân nghèo, trị giá 1,387 tỷ đồng.

Phát động 98,7% ấp, khu phố đăng ký và giữ vững ấp văn hóa; 100% cơ sở đăng ký cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo văn minh; 98,14% gia đình đăng ký gia đình văn hóa. Tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường như: Phát hoang, dọn dẹp vệ sinh môi trường 15.351 km đường giao thông nông thôn; thu gom 43 tấn rác thải các loại; khai thông 26 km kênh mương nội đồng; trồng 7.300 cây xanh các loại; phát hành 3.400 tờ rơi, treo 856 băng rôn và tuyên truyền 221 cuộc với 19.892 lượt người dự, phối hợp tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh được trên 23.000 phút; tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường và phòng ngừa ứng phó với biến đổi khí hậu cho 100 chức sắc các tôn giáo trong tỉnh; hưởng ứng "Tháng hành động vì môi trường" và Ngày Môi trường thế giới (5/6), toàn tỉnh có 80 xã tổ chức các hoạt động hưởng ứng; tổ chức 26 cuộc mít tinh diễu hành, có trên 3.000 lượt người tham gia vệ sinh các công trình công cộng. Việc xây dựng và triển khai, nhân rộng các mô hình mới trong Cuộc vận động có những kết quả tích cực, toàn tỉnh có 54 mô hình mới và 15 mô hình nhân rộng về Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh", "Bảo vệ môi trường", "Ứng phó với biến đổi khí hậu". Ngoài ra, từ năm 2017 Mặt trận Tổ quốc các cấp phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tiếp tục nhân rộng 273 mô hình.

Đến nay, Tỉnh đã tổ chức 03 Hội nghị sơ kết trào thi đua: Hội nghị sơ kết 02 năm (2011-2013); Hội nghị sơ kết 04 năm (2011-2015); Hội nghị sơ kết 03 năm (2016-2018). Hàng năm, các huyện, thành phố tổ chức sơ kết thực hiện Chương trình qua hình thức họp Ban chỉ đạo xây dựng NTM (Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG) và tổ chức Hội nghị sơ, tổng kết theo Kế hoạch của UBND tỉnh.

Về công tác khen thưởng: Khen thưởng cấp Trung ương cho 01 cá nhân (ông Huỳnh Minh Quân, xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành) và 04 xã: Long Thành Trung huyện Hòa Thành, An Tịnh huyện Trảng Bàng, Bến Củi huyện Dương Minh Châu, Bình Minh thành phố Tây Ninh được Thủ tướng

Chính phủ tặng Bằng khen thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chung sức xây dựng NTM. Khen thưởng cấp tỉnh: 12 xã (trong đó tặng cờ 06 xã dẫn đầu phong trào thi đua xây dựng NTM); 22 đơn vị cấp tỉnh, 07 đơn vị cấp huyện; 60 cá nhân và 24 doanh nghiệp.

c) Đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đối với việc triển khai thực hiện Chương trình

Công tác tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, chính sách và cách thức tiến hành xây dựng NTM được quan tâm triển khai, phổ biến đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp với nhiều hình thức. Chương trình xây dựng NTM đã được sự đồng thuận và thống nhất cao trong nhân dân, thể hiện qua sự chuyển biến từ nhận thức đến hành động trong việc tích cực tham gia thực hiện phong trào, mang lại sự thay đổi cơ bản đời sống kinh tế - xã hội ở nông thôn.

d) Những khó khăn, vướng mắc cần khắc phục

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh còn bộc lộ những khó khăn, hạn chế, cần có biện pháp khắc phục đó là: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số sở, ngành, huyện còn lúng túng, quyết tâm chưa cao, chưa xuất hiện nhiều cách làm sáng tạo trong xây dựng NTM. Công tác tuyên truyền có lúc có nơi chưa thường xuyên, liên tục; sự tham gia của các sở, ngành, đoàn thể vẫn chưa đồng bộ; hình thức tuyên truyền chưa phong phú, đa dạng; chưa có phương pháp tuyên truyền phù hợp với điều kiện đặc thù của từng xã.

6. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng NTM giai đoạn 2016 - thời điểm báo cáo (Có so sánh với giai đoạn 2010-2015)

Tổng vốn huy động giai đoạn 2016 - 2020 là 9.224 tỷ đồng, tăng 26,8% so với giai đoạn 2010-20115, trong đó: Vốn ngân sách 3.174 tỷ đồng, chiếm 34,4%, gồm: Vốn ngân sách Trung ương 566 tỷ đồng (kể cả vốn TPCP), vốn ngân sách địa phương 1.888 tỷ đồng; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu khác 724 tỷ đồng; vốn tín dụng: 4.365 tỷ đồng, chiếm 47,3%; vốn huy động doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác: 824 tỷ đồng, chiếm 8,9%; vốn huy động cộng đồng dân cư: 860 tỷ đồng, chiếm 9,3%.

So với giai đoạn 2011-2015, vốn huy động từ ngân sách tăng 733 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp tăng 472 tỷ đồng, huy động cộng đồng dân cư (hiến đất, tiền mặt, ngày công,…) tăng 750 tỷ đồng.

Tỷ lệ vốn ngân sách cao hơn so với cơ cấu quy định (30%), vốn huy động doanh nghiệp và nhân dân thấp hơn quy định (doanh nghiệp 15%, cộng đồng dân cư 10%) do những hạn chế trong công tác vận động, thu nhập của người dân còn thấp.

(Chi tiết kèm theo Phụ lục II, III)

7. Đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng NTM" giai đoạn 2010 - 2020 và đánh giá hiệu quả của Phong trào thi đua đối với sự nghiệp xây dựng NTM trên địa bàn

Qua thực hiện phong trào thi đua "Tây Ninh chung sức xây dựng NTM" đã đạt được những kết quả khả quan, Chương trình MTQG xây dựng NTM đã trở thành cuộc vận động lớn, được các ngành, các cấp, các địa phương, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh tích cực hưởng ứng tham gia. Kết quả thực hiện đến nay cho thấy, các địa phương đã xác định rõ cách làm, lộ trình phù hợp với điều kiện của địa phương, đồng thời tập trung phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị vào cuộc, đặc biệt là vai trò của chi bộ Đảng ấp, khu dân cư và vai trò chủ thể trực tiếp của từng hộ dân. Chính vì vậy diện mạo nông thôn ngày càng được đổi mới. Đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn được cải thiện rõ rệt.

Các ngành, các địa phương đã tập trung phát động nhiều phong trào thi đua và triển khai sâu rộng đến tận cấp cơ sở với nội dung, hình thức phong phú theo phương châm "Phát huy nội lực là chính". Bên cạnh đó, nhiều phong trào thi đua cụ thể được địa phương, cơ sở phát động mang lại hiệu quả thiết thực như: phong trào giải phóng mặt bằng, thu hút đầu tư, đẩy mạnh phát triển công nghiệp; thi đua xây dựng đường giao thông nông thôn, liên ấp, liên xã; thi đua nâng cao chất lượng hàng hóa và dịch vụ để hội nhập quốc tế,... được các tổ chức đoàn thể, hội quần chúng và nhân dân đồng tình, hưởng ứng tích cực.

Chương trình thi đua xây dựng NTM đã được các thành viên BCĐ tỉnh, các huyện, thành phố triển khai xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện có mục tiêu, nội dung, giải pháp cụ thể ở đơn vị và đến cơ sở, tổ chức phát động phong trào thi đua; đăng ký và thực hiện ký kết giao ước thi đua, bám sát nội dung chương trình thi đua của tỉnh, cụ thể hóa các nội dung, tiêu chí đột phá hoàn thành sớm và triển khai thực hiện tốt các nội dung thi đua.

8. Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình

Ban Chỉ đạo, các ngành phụ trách các tiêu chí xây dựng NTM, Văn phòng Điều phối xây dựng NTM cấp tỉnh, huyện đã chủ động hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức nhiều đợt kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình tại các huyện, thành phố, các xã (nhất là các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM hàng năm), phân công thành viên cụ thể hướng dẫn, hỗ trợ các xã thực hiện xây dựng NTM, định kỳ (06 tháng/lần) tổ chức làm việc với Ban Chỉ đạo xây dựng NTM cấp huyện, Ban Chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng NTM các xã để đôn đốc tiến độ thực hiện, phát hiện các hạn chế, thiếu sót, kịp thời hướng dẫn, xử lý khó khăn, vướng mắc của địa phương trong thực hiện Chương trình.

Ban Chỉ đạo cấp huyện thực hiện nghiêm túc việc tổ chức họp định kỳ nhằm tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong thực hiện xây dựng NTM; ngoài ra lồng ghép vào các cuộc họp thường kỳ của UBND cấp huyện để nắm bắt tình hình, chỉ đạo xây dựng NTM tại các xã. Cấp xã, UBND các xã thành lập Ban giám sát cộng đồng để tham gia giám sát hoạt động xây dựng của các cơ quan có thẩm quyền.

Trong giai đoạn 2016 - 2018, HĐND tỉnh đã tổ chức giám sát hiệu quả đầu tư Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh hướng dẫn lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trong thực hiện xây dựng NTM; Liên hiệp các Hội Khoa học-Kỹ thuật tỉnh tổ chức giám định xã hội về kết quả

thực hiện tiêu chí về cơ sở hạ tầng giai đoạn 2016 - 2017 tại 23 xã trên địa bàn tỉnh.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình

Đến cuối năm 2018, số xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM 36/80 xã (trong đó có 08 xã biên giới), chiếm 45% số xã toàn tỉnh, cụ thể: Giai đoạn 2011-2015 là 16 xã; giai đoạn 2016 - 2018 là 20 xã (năm 2016 là 06 xã, năm 2017 là 05 xã; năm 2018 là 9 xã). Kế hoạch năm 2019 có thêm 06 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn lên 42 xã (52,5%), Dự kiến năm 2020 có tổng số 53/80 xã đạt chuẩn NTM (trong đó có 18 xã biên giới), chiếm 66,25% số xã toàn tỉnh đạt chuẩn NTM, vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần X (50%). Số tiêu chí bình quân/xã: 16,8 tiêu chí, tăng 04 tiêu chí so với năm 2015. Không có xã dưới 10 tiêu chí. 100% số xã biên giới đạt các tiêu chí NTM về hệ thống chính trị, văn hoá, y tế, giáo dục và đào tạo (theo Nghị quyết 16-NQ/TW ngày 10/10/2017). Thành phố Tây Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (có 100% xã đạt chuẩn), huyện Hòa Thành đạt huyện NTM (có 100% xã đạt chuẩn và đạt 09 tiêu chí huyện NTM theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016). Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh đạt 50 triệu đồng/người/năm; giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm 1,3%; tỷ lệ người dân tham gia BHYT 81%; tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh 99%.

(Chi tiết kèm theo Phụ lục IV,V)

2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã NTM

a) Quy hoạch xây dựng NTM

Công tác quy hoạch xây dựng xã NTM hoàn thành ở 82/82 trong năm 2013 (có 02 xã: Ninh Sơn và Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh nâng cấp lên phường). Trong giai đoạn 2016-2020, một số xã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch theo kế hoạch của UBND tỉnh.

b) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được quan tâm đầu tư, nâng cấp, tạo ra diện mạo mới cho nông thôn ở nhiều địa phương, cụ thể: đã đầu tư trên 2.200 km đường giao thông nông thôn (bao gồm các công trình vận động doanh nghiệp và nhân dân thực hiện cứng hóa các tuyến đường ngõ xóm, liên gia) trong đó: Láng nhựa 577 km; bê tông xi măng 301 km; sỏi đỏ, cứng hóa 1.332 km; kiên cố hóa 239 km kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn các xã. Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa xây dựng mới 132 công trình (phát triển lưới điện phân phối, trạm biến áp,...); 278 trường học đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất; Xây dựng mới, nâng cấp 36 Trung tâm Văn hóa -Thể thao và học tập cộng đồng xã, 255 Nhà văn hóa ấp đạt chuẩn quy định. Cải tạo, nâng cấp 15 chợ nông thôn. Hệ thống chợ nông thôn cơ bản đảm bảo quy định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, mua sắm của nhân dân. Hỗ trợ nâng cấp 34 Đài truyền thanh xã (20

xã biên giới), gồm: Bộ thu kỹ thuật số, bộ phát mã điều khiển và các vật liệu phụ khác như (anten thu, micro, dây điện nguồn...) trang bị cho các cụm truyền thanh không dây ở các ấp. Hiện 80/80 xã đảm bảo cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông, có phủ sóng hoặc mạng để truy cập internet cho người dân khu vực nông thôn. Nâng cấp sửa chữa 10 hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung, 66 trạm y tế xã... Đến nay có 39 xã đạt tiêu chí giao thông (chiếm tỷ lệ 48,8%), 75 xã đạt tiêu chí thủy lợi (chiếm tỷ lệ 93,8%), 48 xã đạt tiêu chí điện (chiếm tỷ lệ 60%), 39 xã đạt tiêu chí trường học (chiếm tỷ lệ 48,8%), 39 xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa (chiếm tỷ lệ 48,8%), 66 xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (chiếm tỷ lệ 82,5%), 74 xã đạt tiêu chí thông tin và truyền thông (chiếm tỷ lệ 92,5%), 67 xã đạt tiêu chí nhà ở dân cư (chiếm tỷ lệ 83,8%). So với những năm đầu thực hiện Chương trình, số xã đạt chuẩn tăng hàng năm nâng tỷ lệ xã từng tiêu chí, nhất là hệ thống giao thông nông thôn được đầu tư khá lớn làm nền tảng cho phát triển kinh tế-xã hội của các xã.

Việc duy trì, nâng cao chất lượng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội đối với các xã đạt chuẩn NTM đã được quan tâm, chỉ đạo thực hiện, hàng năm UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch duy trì, giữ vững, nâng cao chất lượng đối với các tiêu chí đã đạt được, nhất là tại các xã đã đạt chuẩn NTM; thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng đã được đầu tư đạt chuẩn. Đối với các công trình được đầu tư bằng nguồn ngân sách có sự quản lý, giám sát về chất lượng theo các quy định, thủ tục về đầu tư XDCB. Đối với các công trình do người dân, cộng đồng vận động, tự thực hiện (chủ yếu là cứng hóa các tuyến đường xóm, liên gia) tuy không có sự quản lý, giám sát về chất lượng theo các quy định, thủ tục về đầu tư XDCB nhưng đã đáp ứng được yêu cầu cứng hóa, không lầy lội vào mùa mưa của Bộ tiêu chí xã NTM.

c) Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

Nông nghiệp phát triển theo đúng chủ trương, định hướng, cơ cấu cây trồng vật nuôi chuyển biến rõ nét theo hướng tập trung đáp ứng hội nhập kinh tế thế giới, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh gắn với thị trường và công nghiệp chế biến. Giá trị sản xuất nông lâm thủy sản tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2015 – 2020 ước đạt 2,80%/năm.

Tỉnh đã chuyển đổi mạnh một số cây trồng kém hiệu quả (lúa, mía, cao su,..) sang trồng các loại cây ăn trái (bưởi, dứa, xoài, nhãn, sầu riêng) quy mô tập trung, có giá trị kinh tế cao, có trên 05% nông sản được sản xuất theo tiêu chuẩn GAP; việc chuyển đổi nhanh diện tích khoai mì, cây ăn trái và rau các loại cũng tăng so với năm 2016 và tạo động lực tăng trưởng sản lượng trong giai đoạn (khoai mì tăng bình quâm 0,8%/năm,đến năm 2020 đạt 1,95 triệu tấn nguyên liệu; cây ăn quả tăng bình quân 4,4%/năm, đến năm 2020 đạt 275.802 tấn sản phẩm; rau các loại tăng bình quân 3,42%/năm, đến năm 2020 đạt 407.468 tấn). Điểm nổi bật nhất trong thời gian qua là chuyển đổi giảm trên 10.000 ha lúa, cao su, mía,... chuyển đổi sang trồng cây ăn quả, khoai mì, nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao. Chăn nuôi phát triển khá mạnh theo mô hình trang trại lạnh, quy mô lớn, chăn nuôi khép kín có bước tăng trưởng vượt bật, dự kiến đến

năm 2020, tỷ lệ chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại tập trung công nghiệp, bán công nghiệp chiếm trên 70% so với tổng đàn. Cơ cấu lại theo đàn vật nuôi được xác định ưu tiên ở các loại sản phẩm chính như: chăn nuôi gà, heo thịt, bò thịt, bò sữa. Ước đến cuối năm 2020, tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm 15,9%.

Các chính sách thu hút nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp đã được tỉnh triển khai thực hiện, thời gian qua toàn tỉnh đã thu hút 57 dự án đầu tư vào nông nghiệp trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản với tổng vốn đầu tư trên 2.100 tỷ đồng. Tính riêng giai đoạn 2016 – 2020, tỉnh đã thu hút 24 dự án nông nghiệp gắn phát triển chuỗi giá trị, nông nghiệp công nghệ cao với tổng vốn đăng ký trên 1.652 tỷ đồng. Thu hút xây dựng và đưa vào hoạt động 01 nhà máy chế biến rau quả Tanifood với tổng mức đầu tư 1.820 tỷ đồng, công suất 500 tấn nguyên liệu/ngày với nhu cầu diện tích vùng nguyên liệu 7.125 ha; 01 trang trại bò sữa Vinamilk Tây Ninh đạt tiêu chuẩn GlobalGAP với tổng đàn 8.000 con; Công ty TNHH Pacow International đang đầu tư chế biến, giết mổ gia súc, dây chuyền hệ thống mổ treo đạt tiêu chuẩn, qui mô 200 con trâu, bò/ngày.

Đã cụ thể hóa 02 chính sách của Trung ương và ban hành 05 chính sách của tỉnh như: chính sách khuyến nông; chính sách hỗ trợ thủy lợi phí; chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ; chính sách hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý nước hộ gia đình nông thôn; chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn nông thôn và gần đây đã ban hành chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp và người sản xuất đăng ký mã số vùng trồng đối với nông sản xuất khẩu sang Trung Quốc thời gian qua; hỗ trợ phần mềm truy suất nguồn gốc...đã tạo động lực thúc đẩy và hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp.

Công tác khuyến nông; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp

Công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật và các tiến bộ khoa học công nghệ trên lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi đạt những kết quả bước đầu, góp phần gia tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất đáp ứng yêu cầu thay đổi, đa dạng của thị trường. Các mô hình khuyến nông, đề tài ứng dụng khoa học công nghệ hiệu quả tiếp tục được duy trì triển khai, bước đầu đã mang lại hiệu quả như: năng suất cây trồng cao (rau, cây ăn quả, mía, đậu phọng,...). Mô hình liên kết 4 nhà thâm canh lúa sản xuất theo hướng VietGAP và cánh đồng mẫu lớn từ năm 2011 đến nay giúp nông dân giảm bớt chi phí đầu tư, nâng cao năng suất, bảo vệ môi trường sinh thái và tăng lợi nhuận.

Đã hình thành các mô hình theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, chuyển đổi một số diện tích mía, mì, cao su sang phát triển cây ăn trái với quy mô diện tích lớn gắn với GAP như: Bưởi, nhãn, sầu riêng, xoài, chuối, mít; chăn nuôi heo, gà công nghệ trại lạnh, kín, tự động hóa; chăn nuôi bò lai hướng thịt vỗ béo; nuôi trồng tôm càng xanh toàn đực, cá chép giòn;...Mô hình nông nghiệp công

nghệ cao trồng hoa nhà kính, dưa lưới giúp phát triển nhanh doanh thu, lợi nhuận tăng 3-4 lần so với sản xuất truyền thống.

Chăn nuôi tiếp tục chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ, không đảm bảo an toàn sinh học, hiệu quả thấp sang chăn nuôi quy mô trang trại, tập trung, đảm bảo an toàn sinh học.

Thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn

Tỉnh đã tổ chức các buổi gặp gỡ, trao đổi thông tin và thỏa thuận hợp tác giữa siêu thị Coopmart Tây Ninh và các cơ sở sản xuất rau an toàn trên địa bàn (HTX, TLK, THT,...) nhằm đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn, đồng thời thực hiện hỗ trợ xây dựng 03 dự án nhà sơ chế và thành lập 22 cửa hàng kinh doanh rau an toàn.

Về phát triển nguyên liệu chế biến xuất khẩu: Đã ký kết thỏa thuận hợp tác trong xây dựng chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ rau quả; cây ăn trái; thực phẩm (thịt bò, thịt heo, trứng) với Liên hiệp HTX Thương mại TP.HCM (Saigon Coop). Nhà máy chế biến rau quả Tanifood hoàn thành, đi vào hoạt động vào cuối năm 2018, đã ký hợp đồng sản xuất bao tiêu sản phẩm với nông dân các huyện Tân Biên, Gò Dầu, Dương Minh Châu và Bến Cầu, diện tích 289 ha.

Mô hình chuỗi cung ứng thịt heo an toàn cũng được tích cực triển khai, đã phối hợp với Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam xây dựng đưa vào kinh doanh 21 quầy bán thịt heo an toàn trên địa bàn Thành phố Tây Ninh, Bến Cầu, Dương Minh Châu, Gò Dầu, Hòa Thành, Châu Thành, Tân Biên, Tân Châu và 01 tổ liên kết sản xuất-tiêu thụ thịt vào hệ thống siêu thị Coopmart, cửa hàng thực phẩm an toàn, bếp ăn trường học, với nguồn cung ứng từ các cơ sở heo chứng nhận VietGAHP.

Liên kết sản xuất – tiêu thụ theo chuỗi giá trị từng bước phát triển, đối với heo thịt, gà thịt, trứng công nghiệp hiện nay đã có 50% sản phẩm liên kết; chiếm tỷ trọng 36,7% so với giá trị ngành chăn nuôi. Sản phẩm sạch chiếm tỷ 20% giá trị nông sản thực phẩm.

Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, ngành nghề nông thôn

Kinh tế tập thể có bước phát triển đáng kể về số lượng lẫn chất lượng, hình thức hoạt động. Toàn tỉnh hiện có 81 HTX nông nghiệp hoạt động theo Luật HTX 2012 (03 HTX chăn nuôi, 01 HTX thuỷ sản, 08 HTX thuỷ lợi, 64 HTX dịch vụ nông nghiệp); Tổng số thành viên của các HTX là 2.846 người, số lao động làm việc thường xuyên khoảng 1.300 người. Doanh thu bình quân hàng năm của mỗi HTX là 850 triệu đồng; lãi bình quân hàng năm của một HTX là 250 triệu đồng; thu nhập bình quân lao động thường xuyên trong HTX là khoảng 54 triệu đồng/lao động/năm (khoảng 4,5 triệu đồng/tháng). Kinh tế hợp tác, HTX mặc dù có nhiều cơ chế, chính sách nhưng việc phát triển khó khăn, qui mô nhỏ, chưa có mô hình đột phá, chưa tạo được sức hút thúc đẩy nông hộ liên kết để tạo ra sức mạnh trong sản xuất – tiêu thụ.

Các ngành nghề, làng nghề truyền thống phát triển ổn định, tạo việc làm góp phần cải thiện đời sống người dân với 10 nghề truyền thống và 01 làng nghề truyền thống được công nhận, đã hình thành tổ chức kinh tế hợp tác như mây, tre đan *(đan lát)*; đúc gang; mộc gia dụng; se nhang; chằm nón lá...Trong đó, một số sản phẩm đặc sản của tỉnh đã có thương hiệu và được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận như: Muối ớt Tây Ninh; Mãng cầu núi Bà Đen; đặc biệt sản phẩm bánh tráng phơi sương Trảng Bàng được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận, là một trong các sản phẩm nằm trong danh mục Di sản Văn hoá phi vật thể cấp Quốc gia *(năm 2016)*. Tuy nhiên, quy mô sản xuất còn nhỏ, mang tính chất hộ gia đình, chủ yếu là lao động thủ công, thiết bị công nghệ sản xuất còn lạc hậu, thiếu vốn, thiếu tính liên kết và hợp tác trong sản xuất; phần lớn chưa có nhãn hiệu, thương hiệu, chất lượng sản phẩm chưa ổn định, sức cạnh tranh chưa cao; sản phẩm ngành nghề nông thôn còn hạn chế trong việc quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

Ngoài ra, tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX nông nghiệp giai đoạn 2019-2020; đang xây dựng Đề án Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025 và định hướng đến năm 2030, dự kiến phê duyệt trong quý IV/2019.

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: UBND tỉnh ban hành 02 Quyết định về đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020 2020, trong đó: Phấn đấu đào tạo cho khoảng 42.800 lao động nông thôn được học nghề (21.630 người học nghề nông nghiệp; 21.170 người học nghề phi nông nghiệp); đặt hàng dạy nghề khoảng 1.400 người thuộc diện hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế.

Tổng số lao động được đào tạo đến tháng 6/2019: 1.334 lớp, 41.289 lao động. Tính trong giai đoạn 2016-2018: Tổng số lao động nông thôn đã học nghề xong là 12.844 người (đạt 100%), số lao động nông thôn có việc làm sau học nghề là 10.814 người (đạt 84%); được doanh nghiệp, HTX tuyển dụng: 425 người; tự tạo việc làm: 10.354 người; tham gia Tổ hợp tác, HTX: 101 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2010: 45%; năm 2015: 60,52%; năm 2016: 62,31%, năm 2017: 64,02%, năm 2018: 66,28%.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 về Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức xã giai đoạn 2012 – 2015; Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 ban hành Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2016 – 2020. Kết quả tỉnh đã phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức được 74 lớp, với 5.996 cán bộ, công chức cấp xã tham dự.

Giải quyết việc làm cho người dân nông thôn:

- Thực hiện Nghị quyết số 20/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND tỉnh về Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013-2015; Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 15/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013-

2015. Sau 5 năm triển khai thực hiện giai đoạn 2010 - 2015 toàn tỉnh đã giải quyết việc làm được 142.835 lao động, so với kế hoạch đạt 119,02% (trong đó thông qua phát triển kinh tế xã hội là 123.280 lao động, Quỹ quốc gia giải quyết việc làm là 18.843 lao động, xuất khẩu lao động là 712 lao động), bình quân hàng năm giải quyết việc làm 21.785 lao động.

- Thực hiện Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình việc làm tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020. Kết quả trong 5 năm từ 2016 – 2020 ước thực hiện tạo việc làm tăng thêm cho 94.575 lao động, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Trong đó, chủ yếu từ phát triển kinh tế, thu hút nhiều lao động ổn định; từ hỗ trợ vốn Qũy Quốc gia giải quyết việc làm và từ hình thức đưa người lao động đi nước ngoài làm việc theo hợp đồng.

Bằng nhiều biện pháp tỉnh đã huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế xã hội, thu hút đầu tư, khuyến khích thành lập doanh nghiệp tạo nhiều việc làm mới. Bên cạnh đó các chính sách của Nhà nước về hỗ trợ vốn từ Qũy Quốc gia giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận vay vốn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn, góp phần hoàn thành tiêu chí xây dựng NTM. Dự kiến kế hoạch năm 2019 – 2020 sẽ có 80/80 hoàn thành tiêu chí này; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2019 ước đạt 46,4 triệu đồng/người.

d) Giảm nghèo và an sinh xã hội

Năm 2011 áp dụng chuẩn nghèo theo Quyết định số 09/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ, toàn tỉnh có 23.549 hộ nghèo và cận nghèo, chiếm tỷ lệ 8,84% so với tổng số hộ gia đình. Trong 5 năm, từ 2011 đến 2015, ngoài các chính sách chung của Trung ương ban hành về thực hiện Chương trình giảm nghèo như: vay vốn tín dụng, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ giáo dục, tiền điện, nhà ở, dạy nghề cho người nghèo... Tỉnh cũng ban hành các chính sách giảm nghèo đặc thù của địa phương như: quy định hỗ trợ đối với hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011 – 2015; quy định chuẩn hộ nghèo áp dụng cho giai đoạn 2013 – 2015; tiêu chí xác định và chính sách hỗ trợ đối với xã khó khăn giai đoạn 2012 – 2015; quy định chính sách hỗ trợ đối với hộ cận nghèo giai đoạn 2013 – 2015. Với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự chung tay góp sức của cộng đồng xã hội và sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của các hộ nghèo, giai đoạn 2011 - 2015 toàn tỉnh đã giảm được 7,35% (tương ứng giảm 19.195 hộ nghèo và hộ cận nghèo). Đến cuối năm 2015, toàn tỉnh còn 4.354 hộ nghèo, hộ cận nghèo chiếm tỷ lệ 1,49%.

Năm 2016, áp dụng chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều cho giai đoạn 2016 – 2020 theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, toàn tỉnh có 12.584 hộ nghèo và hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 4,32 % so với tổng số hộ gia đình. Qua gần 4 năm thực hiện với các chính sách hỗ trợ của Trung ương và địa phương, đến nay toàn tỉnh giảm được 1,78 %, tương ứng giảm 4.975 hộ nghèo, hộ cận nghèo (bình quân mỗi năm giảm 0,59 %) phấn đấu

đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn dưới 1% (tương ứng hơn 2.900 hộ nghèo, hộ cận nghèo).

Các chính sách giảm nghèo được triển khai thực hiện tại các địa phương thời gian qua đã góp phần giúp các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM hoàn thành tiêu chí này. Có 71 xã đạt tiêu chí về hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 88,8%).

e) Phát triển giáo dục ở nông thôn

Về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi: Tỉnh đã ban hành Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 ban hành Đề án hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017 - 2020. Tháng 3/2017, Tỉnh được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi. Huy động trẻ 5 tuổi ra lớp 21.391/21.453, tỷ lệ 99,7%, tăng 0,3% so với CK (99,4%). Duy trì 100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi học 2 buổi/ngày.

Về phổ cập giáo dục tiểu học: Toàn tỉnh có 95/95 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 (tỷ lệ 100%), trong đó có 64/95 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 3 (tỷ lệ 67,37%); có 9/9 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 (tỷ lệ 100%), trong đó có 4/9 huyện, thành phố đạt chuẩn mức độ 3 là Thành phố Tây Ninh, Hòa Thành, Trảng Bàng và huyện Dương Minh Châu (tỷ lệ 44,44%).

Thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở: 9/9 huyện, thành phố và 95/95 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 1, tỷ lệ 100%; 06/95 xã, phường, thị trấn đạt mức độ 2.

Có 68 xã đạt tiêu chí giáo dục và đào tạo (chiếm tỷ lệ 85%).

g) Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

Mạng lưới y tế đã phủ kín tất cả các xã, 80 xã của tỉnh đều có trạm y tế, 100% xã đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế. Tuy nhiên, hoạt động y tế cấp xã còn gặp những vấn đề khó khăn như: công tác xử lý rác, nước thải y tế, nhân lực, trang thiết bị làm việc, chính sách hỗ trợ cho đội ngũ y, bác sĩ…

Thực hiện chỉ đạo của tỉnh, các trạm y tế đã không ngừng đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế từ 26,92% năm 2010 tăng lên 75% năm 2015, dự kiến năm 2019 đạt tỷ lệ 85,5%.

Có 49 xã đạt tiêu chí y tế (chiếm tỷ lệ 61,3%).

h) Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn

Tỉnh ban hành Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 22/02/2017 về triển khai thực hiện Đề án truyền thông về phát triển phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch hoạt động phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" năm 2017; Kế hoạch xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa NTM. Tổ chức 10 chương trình văn nghệ quần chúng, 35 buổi biểu diễn lưu động phục vụ quần chúng

nhân dân và chiến sĩ vùng sâu vùng xa, biên giới. Trung tâm văn hóa - thể thao các huyện tổ chức được hơn 54 buổi sinh hoạt văn nghệ quần chúng, duy trì hoạt động của 30 câu lạc bộ (tài tử cải lương, nhịp sống trẻ, giai điệu xanh.....) Tiếp tục phát huy thế mạnh trong công tác tuyên truyền phục vụ cơ sở, đã thực hiện các kịch bản, tiểu phẩm, câu chuyện thông tin, phục vụ cơ sở; tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp huyện theo kế hoạch; cử lực lượng diễn viên, vận động viên tham dự các hội thi, hội diễn, các giải thi đấu do tỉnh tổ chức.

Các huyện tổ chức được hơn 58 buổi sinh hoạt văn nghệ quần chúng, duy trì hoạt động của 30 câu lạc bộ với hơn 55 buổi sinh hoạt; tổ chức 30 cuộc hội thi hội diễn ở cơ sở; Liên hoan Kịch ngắn - Kịch vui tại các xã điểm xây dựng NTM năm 2017; tuyên truyền về xây dựng NTM phục vụ cơ sở, thực hiện 2.056,5m^2 pano, 1.091 tấm băng rôn, 906 câu khẩu hiệu, 224 buổi xe loa cổ động, tổ chức 12 cuộc triển lãm tại chỗ và lưu động, thực hiện các kịch bản, tiểu phẩm, câu chuyện thông tin, qua đó tổ chức phục vụ 56 buổi tại cơ sở. Duy trì hoạt động của các câu lạc bộ: Tài tử cải lương, nhịp sống trẻ, giai điệu xanh.

Có 76 xã đạt tiêu chí văn hóa (chiếm tỷ lệ 95%).

k) Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề

Về cấp nước sạch: Để kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư lĩnh vực Nước sạch nhằm nâng cao tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh và nước đạt QCVN 02:2009/BYT, UBND tỉnh ban hành các chính sách trong lĩnh vực Nước sạch như: Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 về Danh mục công trình cấp nước sạch nông thôn Khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 23/2/2017 quy định mức hỗ trợ đầu tư Công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Các công trình cấp nước tập trung nông thôn được quản lý theo 02 mô hình sự nghiệp và cộng đồng; hiện tỉnh tiếp tục vận hành 76 công trình cấp nước tập trung; vận động nhân dân, cộng động tham gia vệ sinh trên 480 km đường giao thông, tổ chức thu gom 60 tấn rác thải làm sạch đường ngõ xóm, khai thông 53km kênh nội đồng. Các xã trong kế hoạch đạt chuẩn NTM thành lập Ban Chỉ đạo về công tác vệ sinh môi trường, thành lập tổ vệ sinh môi trường của xã, mỗi ấp, thường xuyên tổ chức tổng vệ sinh đường làng ngõ xóm ít nhất 01 tháng/01 lần; hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản. Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 98,8%. Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia QCVN 02:2009/BYT đạt 60,1%. Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu: 98,15%. Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh: 92,27%.

Về khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường nông thôn, làng nghề: Triển khai thực hiện các dự án "Điều tra đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường làng nghề; xây dựng kế hoạch, giải pháp lộ trình bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn tỉnh Tây Ninh", dự án "Xử lý môi trường tại các làng nghề truyền thống đúc gang, nhôm ấp Trường Thọ, xã Trường Hòa, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh" và dự án "Mô hình xử lý chất thải thí điểm cho một số cơ sở, hộ sản xuất ngành nghề điển hình và định hướng nhân rộng

mô hình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh". Tiếp tục xử lý khắc phục 11 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, bao gồm: 02 cơ sở thuộc Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III đã thực hiện hoàn thành biện pháp xử lý theo quy định được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, chứng nhận; 09 cơ sở y tế đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải, trong đó 07/9 cơ sở được kiểm tra, chứng nhận hoàn thành việc thực hiện các biện pháp xử lý triệt để ô nhiễm môi trường, còn 02/9 chưa lập hồ sơ đề nghị chứng nhận.

Có 63 xã đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm (chiếm tỷ lệ 78,8%).

l) Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

Về cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công: UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2016, năm 2017; Trung tâm hành chính công tỉnh đã đi vào hoạt động để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp liên hệ, giải quyết thủ tục hành chính.

Về xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân: Tổ chức được 60.839 cuộc tuyên truyền pháp luật cho 2.749.499 lượt người tham dự; trợ giúp pháp lý (TGPL) 2.422 vụ cho 2.435 đối tượng; tổ chức 162 đợt TGPL lưu động kết hợp truyền thông công tác TGPL về cơ sở, thu hút được 8.133 lượt người dân tham dự; lồng ghép trong các cuộc TGPL lưu động thực hiện việc tuyên truyền pháp luật và phát hành 63.078 tờ gấp pháp luật các loại cho người dân đến tham dự; tổ chức 40 Hội thi, cuộc thi tìm hiểu pháp luật cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động biên soạn và phát hành tài liệu tuyên truyền pháp luật được các cấp, ngành triển khai dưới nhiều hình thức như Nội san, Tờ tin ngành, sổ tay hỏi – đáp pháp luật, đề cương giới thiệu luật... góp phần thông tin, tuyên truyền pháp luật một cách rộng rãi đến tận người dân ở cơ sở, đã phát hành 1.401.440 tờ gấp Hỏi – đáp pháp luật, 25.850 quyển sổ tay tuyên truyền pháp luật, 33.000 bản tin ngành, 300 đĩa CD, 1.155 văn bản pháp luật...

Công tác phổ biến giáo dục pháp luật được Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh và Báo Tây Ninh phối hợp thực hiện dưới các chuyên trang, chuyên mục, chương trình như: chương trình "Pháp luật với đời sống", chương trình "Giới thiệu văn bản pháp luật", chương trình "Câu chuyện phát thanh", chuyên trang "Bạn đọc – Pháp luật"... tuyên truyền pháp luật trên Đài Phát thanh – Truyền hình, Báo Tây Ninh và hệ thống thông tin ở cơ sở đã kịp thời thông tin, giới thiệu pháp luật đến toàn thể nhân dân, nhất là đã xuống đến được với người dân ở cơ sở bằng các hình thức như: viết bài, khẩu hiệu thông tin, tuyên truyền; tư vấn, giải đáp pháp luật; phỏng vấn; thực hiện phóng sự; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật...

Tủ sách pháp luật các cơ quan, đơn vị, trường học và cấp xã đã phục vụ 409.386 lượt người đọc. Các Đài Truyền thanh cấp huyện và cấp xã thực hiện 13.111 giờ phát sóng tuyên truyền pháp luật cho người dân địa phương.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận phối hợp với UBND cấp xã trong việc bầu, công nhận Hòa giải viên ở cơ sở và cử thành viên tham gia công tác hòa giải ở cơ sở. Trong năm 2017, 2018 và 06 tháng đầu năm 2019, các Tổ Hòa giải ở cơ sở đã thụ lý 2.482 vụ mâu thuẫn, tranh chấp, đưa ra hòa giải 2.473 vụ, hòa giải thành thành 2.116 vụ, đạt tỷ lệ 85,56%.

Toàn tỉnh hiện có 541/542 ấp, khu phố đã xây dựng Quy ước, đạt tỷ lệ 99,82% (còn 01 ấp của huyện Bến Cầu chưa xây dựng Quy ước). Nhìn chung, hầu hết các Quy ước có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, tiếp tục góp phần phát huy thuần phong mỹ tục, đề cao các chuẩn mực đạo lý và đạo đức truyền thống của dân tộc, hỗ trợ tích cực cho việc quản lý nhà nước bằng pháp luật ở cơ sở.

Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình:

Hàng năm các cơ quan, địa phương tổ chức tuyên truyền về công tác bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình với nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: tuyên truyền cổ động trực quan (pa nô, tờ gấp, băng rôn...), qua Báo Tây Ninh, Đài Phát thành – Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hội thi, hội thảo, Hội nghị, sinh hoạt các Câu lạc bộ ...

Từ năm 2010 – 2019 tuyên truyền cổ động trực quan được 20 pano; 750 băng ron có nội dung thông điệp tuyên truyền gia đình, PCBLGĐ và bình đẳng giới; 2000 tờ gấp hỏi đáp Luật Bình đẳng giới; 1.800 quyển sổ tay; 1.800 đĩa CD có nội dung tuyên truyền về bình đẳng giới; 2.000 tờ gấp hỏi đáp về phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; phối hợp Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh thực hiện phóng sự chuyên đề định kỳ về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; tổ chức các cuộc hội thảo với chủ đề "Phòng, chống Bạo lực trên cơ sở giới - Thực trạng và giải pháp", "Vai trò của ông bà, cha mẹ trong việc giáo dục gia đình, thực hiện bình đẳng giới". Thông qua nội dung hoạt động của mô hình: Phòng, chống bạo lực gia đình, mô hình địa chỉ tin cậy – nhà tạm lánh. Ban chỉ đạo mô hình PCBLGĐ các xã, Nhóm PCBLGĐ, Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, tổ hòa giải ở các ấp đã phối hợp một cách đồng bộ trong việc tiếp nhận thông tin, can thiệp, tư vấn, hỗ trợ cho nạn nhân BLGĐ, xử lý người có hành vi BLGĐ một cách kịp thời, góp phần kéo giảm tình trạng BLGĐ trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung công tác tuyên truyền phổ biến Luật bình đẳng giới, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật hôn nhân và gia đình và các văn bản QPPL có liên quan về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp, người dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của bình đẳng giới, từ đó có những việc làm thiết

thực, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc.

Có 69 xã đạt tiêu chí hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (chiếm tỷ lệ 86,3%).

3.11 Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

Về đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội địa bàn nông thôn: Tập trung triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng ấp, xã an toàn về an ninh trật tự; chuyển hoá địa bàn xã phức tạp về an ninh trật tự; củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng công an xã, các mô hình quần chúng tham gia giữ gìn an ninh trật tự; tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành pháp luật, tích cực tham gia giữ gìn an ninh trật tự được 5.213 lượt có 275.816 người tham dự; đăng 2.182 tin bài; xây dựng 134 chuyên mục, phóng sự tuyên truyền; chủ động nắm tình hình, kịp thời xử lý các vụ việc xảy ra từ cơ sở, không để trở thành điểm nóng phức tạp; ngăn chặn các điều kiện phát sinh tội phạm; tiếp nhận gần 10.000 tin báo do nhân dân cung cấp, xử lý 3.834 vụ, 12.419 đối tượng.

Về xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia: Tỉnh đã tập trung tuyên truyền, giáo dục cán bộ, chiến sĩ, tầng lớp nhân dân nâng cao nhận thức về tình hình Biển, Đảo, Hiệp ước về biên giới và lịch sử vùng đất Nam bộ Việt Nam; các sự kiện chính trị trọng đại của Đảng, đất nước; âm mưu, thủ đoạn chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Hàng năm tổ chức ra quân thực hiện công tác dân vận chặt chẽ, hiệu quả; phối hợp thực hiện tuyên truyền giáo dục, định hướng tư tưởng kịp thời những sự kiện nổi bật trên thế giới, trong nước, những nội dung nhạy cảm cho cán bộ, chiến sỹ và nhân dân.

Tổ chức 35 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho 2.314 người được 915 khóa, 58.277 người tham gia. Đến nay 100% Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng BCH Quân sự xã là đảng viên, tất cả các đồng chí Chỉ huy trưởng tại các xã được đào tạo Trung cấp, liên thông Cao đẳng, Đại học chuyên ngành quân sự, 80/80 xã được sắp xếp đủ Chính trị viên phó. Công tác tuyển quân tuyển chọn, gọi nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu cả 3 cấp.

Triển khai kế hoạch xây dựng lực lượng dân quân tự vệ; xây dựng BCH Quân sự xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện giai đoạn 2016-2020. Tiếp tục thực hiện các Đề án KVPT tỉnh giai đoạn 2016-2021 và những năm tiếp theo; Đề án xây dựng KVPT cấp huyện, thành phố giai đoạn 2017-2020; Đề án xây dựng chốt dân quân giai đoạn 2017-2020.

Có 76/80 xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh (chiếm tỷ lệ 95%).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt được

Đảng bộ, chính quyền, Ban chỉ đạo xây dựng NTM các cấp đã chỉ đạo quyết liệt, đặc biệt quan tâm trong công tác chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của cơ sở; việc chọn xã điểm để tập trung chỉ đạo, điều hành ở các năm tiếp theo. Trong giai đoạn 2016-2020 Tỉnh đã rút ra nhiều kinh nghiệm ở giai đoạn trước, nhất là về đầu tư, phân bổ nguồn lực.

Bộ máy chỉ đạo, giúp việc các cấp từng bước được rà soát, kiện toàn; việc nâng cao kiến thức, năng lực quản lý điều hành, thực thi của cán bộ xây dựng NTM các cấp, công tác tuyên truyền, hướng dẫn được quan tâm triển khai; công tác phối hợp với MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện Chương trình tiếp tục được phát huy và đạt được một số kết quả thiết thực; nhận thức của hệ thống chính trị, nhân dân đã có những chuyển biến rõ rệt và từng bước được nâng lên; công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, nhất là đối với các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới; các hạn chế, thiếu sót qua kiểm tra được kịp thời phát hiện, hướng dẫn hoặc đề xuất xử lý.

Đồ án quy hoạch xây dựng xã NTM cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của các địa phương. Chương trình Giảm nghèo đã thu hút được sự tham gia, hưởng ứng của xã hội, các chính sách về tín dụng ưu đãi đã có tác động quan trọng đến giảm nghèo, giúp người nghèo phát triển sản xuất kinh doanh, là giải pháp quan trọng trong giảm nghèo và tạo việc làm, các chính sách, chế độ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo (BHYT, hỗ trợ về nhà ở, vay vốn tín dụng, miễn, giảm học phí,...) được thực hiện kịp thời, đầy đủ. Công tác đào tạo nghề lao động nông thôn đã góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ lao động học nghề gắn với việc làm ngày càng tăng, giúp người lao động lựa chọn nghề phù hợp, nâng cao kiến thức, thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần, nhiều mô hình đào tạo nghề hiệu quả đã được triển khai và nhân rộng.

Cơ sở hạ tầng thiết yếu cấp xã được quan tâm đầu tư (giao thông, trường học, trạm y tế, cơ sở vật chất văn hóa,...) làm thay đổi bộ mặt của nông thôn, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội của nhiều xã.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đã giúp cho cán bộ xây dựng NTM các cấp có những kiến thức cơ bản về nội dung, trình tự triển khai xây dựng NTM; riêng các lớp chuyên đề giúp cho học viên nắm bắt các nội dung về đầu tư, thanh quyết toán nguồn vốn xây dựng NTM; trang bị kiến thức cho học viên để kịp thời đề ra các giải pháp, xây dựng kế hoạch, báo cáo kết quả tổng hợp cho Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xây dựng NTM khi thực hiện các tiêu chí cụ thể. Các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được nâng lên rõ rệt, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn cũng như nhiệm vụ đặt ra. Công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với đối tượng và người dân. Đặc biệt là tập trung tổ chức triển khai các văn bản pháp luật mới, gắn liền với cuộc sống của nhân dân và công tác chuyên môn của CBCC cấp cơ sở.

2. Hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

Công tác triển khai Chương trình trong thời gian đầu (năm 2011-2012) còn lúng túng ở cả 3 cấp; thiếu giải pháp cụ thể hàng năm; chậm hoàn thành việc lập quy hoạch, đề án NTM; chất lượng quy hoạch còn nhiều mặt hạn chế. Một số ngành chưa quan tâm đúng mức trong việc kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc để tháo gỡ vướng mắc của cấp xã.

Quy hoạch xây dựng xã NTM chưa tạo sự đột phá rõ nét trong phát triển kinh tế-xã hội của các xã. Công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã NTM chậm. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng NTM là chủ trương, định hướng nhưng việc tổ chức thực hiện của một số địa phương chưa chú trọng, vì vậy chuyển biến thu nhập của người dân còn chậm.

Vốn đầu tư chủ yếu từ ngân sách nhà nước, nguồn lực huy động từ doanh nghiệp và nhân dân tại các huyện, thành phố còn thấp.

Một số công trình hạ tầng đã đầu tư chưa phát huy hết công năng (bưu điện, Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Học tập cộng đồng, nhà văn hóa ấp) hoặc được đầu tư trong giai đoạn 2011-2015 đã xuống cấp nhưng chưa được đầu tư duy tu, bảo dưỡng.

Phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với đô thị hóa chưa đồng bộ. Hạ tầng giao thông nông thôn được quy hoạch và thực hiện đầu tư xây dựng theo chuẩn NTM của cấp xã, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của đô thị. Xây dựng cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp là nhiệm vụ quan trọng nhưng hầu hết các xã mới chỉ quan tâm đến thu gom rác thải, chưa được đầu tư cải tạo môi trường, cảnh quan nông thôn.

Thiếu cơ chế, chính sách riêng, đặc thù cho xây dựng NTM (ngoại trừ cơ chế phân bổ vốn đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xã NTM theo Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND; cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP), nhất là về phát triển sản xuất, hỗ trợ (vật tư) trong xây dựng cơ sở hạ tầng,.. từ đó thiếu giải pháp trong huy động nguồn lực trong dân, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM, việc đầu tư chủ yếu vẫn là ngân sách nhà nước; đây cũng là một nội dung hạn chế trong công tác tuyên truyền, vận động.

Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM của tỉnh có những nội dung không cần nhiều vốn đầu tư nhưng yêu cầu đạt chuẩn cao (y tế, môi trường) nhưng một số địa phương chưa chủ động triển khai thực hiện.

Nguyên nhân:

Việc kiện toàn bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp (Văn phòng Điều phối các Chương trình MTQG cấp tỉnh, huyện và bố trí công chức cấp xã chuyên trách) thực hiện chậm. Đến năm 2019, bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp vẫn chưa được định hình thống nhất, thiếu chuyên nghiệp, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tham mưu, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình.

Cấp ủy, chính quyền ở một số địa phương còn xem cơ cấu lại nông nghiệp là nhiệm vụ của ngành chuyên môn nên thiếu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt.

Các xã còn lúng túng trong việc xác định khối lượng, nội dung điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, nhất là quy hoạch NTM gắn với cơ cấu lại nông nghiệp.

Các huyện, thành phố chưa triển khai tập trung, chủ động trong quá trình thực hiện. Tại các xã không được chọn là xã điểm, công tác kiểm tra, đôn đốc của cấp huyện chưa thường xuyên, không được ưu tiên vốn nên các huyện, xã chưa chủ động vận động vốn.

Nguồn lực huy động từ doanh nghiệp và nhân dân còn phụ thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh, điều kiện kinh tế của người dân, mặt khác chưa có nhiều mô hình, giải pháp có hiệu quả để vận động nguồn lực ngoài ngân sách ở cơ sở.

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Trước hết, thực tế cho thấy những kết quả đạt được trong xây dựng NTM trong thời gian qua gắn liền với sự quan tâm sâu sát, đồng bộ của cấp ủy, chính quyền địa phương. Ban chỉ đạo các cấp phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ triển khai Chương trình để nắm bắt những khó khăn vướng mắc của cơ sở từ đó đề ra những giải pháp tháo gỡ kịp thời; đặc biệt phải chú ý, phát huy vai trò của Ban chỉ đạo cấp huyện, xã.

(1) Công tác tuyên truyền phải đa dạng, nhiều hình thức, gắn với hoạt động thực tiễn để cả hệ thống chính trị và người dân hiểu rõ nguyên tắc: người dân là chủ thể, huy động nội lực từ cộng đồng là chính, Nhà nước chỉ định hướng và hỗ trợ một phần; tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Các cách làm hay, sáng tạo phải được phổ biến kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng để được vận dụng, nhân rộng.

(2) Phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, lực lượng vũ trang trong tuyên truyền, vận động xây dựng NTM, đây là lực lượng hỗ trợ rất lớn cho chính quyền địa phương và nhân dân đồng thời trực tiếp thực hiện các tiêu chí như: giao thông nông thôn, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường khu dân cư,...đóng góp hiệu quả cho phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" gắn với xây dựng NTM.

(3) Tùy theo đặc điểm và tình hình cụ thể, nhu cầu của người dân, từng địa phương chủ động chọn tiêu chí dễ làm trước, tiêu chí khó làm sau; huy động nguồn lực trong dân theo nhiều hình thức: hiến đất, ngày công lao động, vật kiến trúc, hoa màu, cải tạo nâng cấp nhà ở,... tích cực vận động các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã hỗ trợ địa phương xây dựng NTM.

(4) Việc bố trí ngân sách cho xây dựng NTM phải tập trung, không dàn trải; ban hành cơ chế đầu tư, phân định rõ trách nhiệm của từng cấp và thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư các công trình phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu có sự tham gia của người dân.

(5) Mục đích cuối cùng của xây dựng NTM là nâng cao thu nhập, qua đó cải thiện đời sống và nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần cho người dân vì vậy xác định lợi thế, tổ chức lại sản xuất, chuyển dịch cơ cấu lao động, đào tạo nghề cho lao động nông thôn phải được xác định là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, thực hiện đồng bộ để góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo đột phá trong thu nhập.

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. QUAN ĐIỂM

Phát triển nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được quan tâm phát triển, với nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng NTM nhằm tạo được sự công bằng giữa nông thôn và thành thị; tập trung sức mạnh tinh thần, vật chất để giải quyết khó khăn, cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập người dân nông thôn, hướng đến sắc thái mới, chuẩn mực lối sống văn minh hiện đại, văn hóa phù hợp với địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong tỉnh, ngoài tỉnh và khu vực; đẩy mạnh xây dựng NTM; nâng cao nhanh thu nhập và cải thiện đời sống của dân cư nông thôn; quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể

Có thêm 27 xã đạt chuẩn NTM (trong đó có 02 xã biên giới), bình quân 5xã/năm, nâng số xã đạt chuẩn lên 80/80 xã (100% số xã), 20/20 xã biên giới đạt chuẩn.

Ít nhất 50% số xã đã đạt chuẩn được công nhận xã NTM nâng cao, 11% xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

Mỗi xã đạt chuẩn NTM nâng cao lựa chọn ít nhất 01 nội dung để xây dựng mô hình NTM kiểu mẫu (thuộc các lĩnh vực phát triển hạ tầng, sản xuất, văn hóa - xã hội-môi trường, an ninh trật tự,…), phấn đấu có 11 xã đạt NTM kiểu mẫu.

Phấn đấu 07 huyện: Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu, Châu Thành, Gò Dầu, Bến Cầu, Trảng Bàng có 100% xã đạt chuẩn, đủ điều kiện xét công nhận huyện đạt chuẩn NTM.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN

1. Nội dung, giải pháp để tiếp tục nâng cao chất lượng, đảm bảo tính bền vững của Chương trình

Duy trì, nâng cao chất lượng các xã đã đạt chuẩn NTM theo quy định và gắn với cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; lựa chọn, triển khai, xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu; phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng NTM.

Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp và tổ chức Đoàn thể chính trị: Tổ chức tuyên truyền, triển khai, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, công thông tin điện tử để các đối tượng tiếp cận được các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Triển khai Đề án cơ cấu lại nông nghiệp, Đề án "Phát triển chuỗi giá trị và cụm ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh"; tổ chức lại sản xuất, tăng cường thu hút đầu tư của các doanh nghiệp đầu tư các dự án nông nghiệp theo định hướng tái cơ cấu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi cây trồng có giá trị gia tăng cao. Cụ thể hóa và bố trí nguồn lực thực hiện chính sách của Trung ương và triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Phát triển nông nghiệp theo hướng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ) gắn với phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Triển khai thực hiện các dự án thuộc Đề án OCOP nhằm hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn (hộ gia đình, HTX, cơ sở ngành nghề nông thôn): Xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm ngành nghề nông thôn, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng Khoa học Công nghệ trong hoạt động sản xuất ngành nghề, ưu tiên cho các lĩnh vực: bảo quản chế biến nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ...đồng thời chú trọng đến xử lý chất thải giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề. Đào tạo, thu hút các nghệ nhân tham gia các hoạt động đào tạo, truyền nghề cho các thế hệ kế cận, bảo tồn nghề truyền thống. Tạo điều kiện cho các sản phẩm ngành nghề nông thôn tham gia Hội chợ triển lãm nhằm quảng bá sản phẩm, đưa sản phẩm đến người tiêu dùng.

2. Cơ chế chính sách huy động nguồn lực

Thực hiện đồng bộ giữa đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu về kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn (nhất là vùng sâu, vùng biên giới). Ưu tiên đầu tư các lĩnh vực: Giao thông, thuỷ lợi, trường học, cơ sở vật chất văn hoá, công trình cấp nước sinh hoạt. Xây dựng chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển hạ tầng thiết yếu cấp xã theo hướng giao quyền chủ động cho cộng đồng dân cư tự vận động và tổ chức thực hiện; cơ chế hỗ trợ huyện NTM.

3. Kiện toàn bộ máy, tổ chức tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo và triển khai thực hiện chương trình trong giai đoạn sau năm 2020

Thành lập Văn phòng Điều phối thực hiện các Chương trình MTQG (Xây dựng NTM và Giảm nghèo bền vững) ở cấp tỉnh, huyện để đồng bộ, thống nhất với nhiệm vụ, chỉ đạo điều hành của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG.

4. Phát động phong trào thi đua để huy động các nguồn lực và người dân tham gia thực hiện Chương trình

Tiếp tục phát động và triển khai sâu rộng phong trào thi đua "Tây Ninh chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025" với nội dung, hình thức phong phú, thiết thực, phù hợp thực tiễn, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua giai đoạn 2021-2025, trong đó tập trung kêu gọi sự hỗ trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cho xây dựng NTM; gắn phong trào thi đua với tiếp tục đẩy mạnh việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh" và các phong trào thi đua khác trên địa bàn tỉnh. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong xây dựng NTM ở địa phương, nhất là ở các vùng khó khăn, biên giới.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC TRUNG HẠN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025: 12.945 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Ngân sách: 5.000 tỷ đồng, chiếm 38,6%, gồm:

+ Đầu tư 27 xã đạt chuẩn NTM: 3.240 tỷ đồng (bình quân 120 tỷ đồng/xã).

+ Đầu tư 40 xã đạt chuẩn NTM nâng cao: 1.200 tỷ đồng (bình quân 30 tỷ đồng/xã).

+ Duy tu, sửa chữa công trình sau đầu tư: 210 tỷ đồng (bình quân 7,5 tỷ đồng/xã).

+ Đầu tư 07 huyện NTM: 350 tỷ đồng (bình quân 50 tỷ đồng/huyện).

- Vốn tín dụng: 5.674 tỷ đồng, chiếm 43,8%; Vốn huy động doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác: 1.071 tỷ đồng, chiếm 8,3%. Vốn huy động cộng đồng dân cư: 1.199 tỷ đồng, chiếm 9,3%.

(Chi tiết kèm theo Phụ lục III)

Trên đây là kết quả 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- VPĐP XDNTM Trung ương;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh uỷ;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, baN
n, ngành tỉnh;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo TN, Đài PTTH TN;
- LĐVP-CVK;
- Lưu: VT, VP.ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

13KTTC_V NAM_BCUB 24

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.

Trần Văn Chiến

Phụ lục I

CÁC VĂN BẢN CHỦ YẾU DO TỈNH BAN HÀNH ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011 - 2019

(Kèm theo Báo cáo số 346/BC-UBND ngày 02/ 10/2019 của UBND tỉnh)

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành, trích yếu văn bản	Nội dung chủ yếu	Ghi chú
Giai đoạn 2011-2015				
	Công văn	154-CV/TU ngày 21/08/2011	Chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM	
	Chương trình	12-CTr/TU ngày 26/4/2012	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh "về phát triển nông thôn mới gắn với phát triển đô thị và bố trí các điểm dân cư; phát triển công nghiệp, dịch vụ và làng nghề trên địa bàn tỉnh đến năm 2015	
	Quyết định	22/2012/QĐ-UBND ngày 16/04/2012	Quy định cơ cấu phân bổ vốn đầu tư hạ tầng kinh tế-xã hội xã nông thôn mới giai đoạn 2011-2015	
	Quyết định	53/2012/QĐ-UBND ngày 26/11/2012	Quy định cơ cấu phân bổ vốn đầu tư hạ tầng kinh tế-xã hội xã nông thôn mới giai đoạn 2011-2015	
	Quyết định	1679/QĐ-UBND ngày 24/8/2012	Phân công nhiệm vụ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020	
	Quyết định	768/ QĐ-UBND ngày 25/4/2012	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2012-2013	
	Quyết định	2594/QĐ-UBND ngày 12/12/2013	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM giai đoạn 2014-2015	
	Kế hoạch	2075/KH-UBND ngày 21/09/2011	Kế hoạch tuyên truyền CT MTQG XDNTM giai đoạn 2010 - 2020 tỉnh Tây Ninh	
Giai đoạn 2016-2020				
	Quyết định	34/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016	Quy định cơ cấu phân bổ vốn đầu tư hạ tầng kinh tế-xã hội xã nông thôn mới giai đoạn 2011-2015	
	Quyết định	1163/QĐ-UBND ngày 13/5/2016	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020	
	Quyết định	1961/QĐ-UBND ngày 26/7/2016	Kế hoạch tuyên truyền Chương trình NTM giai đoạn 2016-2020	

	Quyết định	3467/QĐ-UBND ngày 31/12/2016	Kế hoạch thực tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Tây Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2016-2020	
	Quyết định	455/QĐ-UBND ngày 01/3/2017	Kế hoạch thực hiện CT MTQG XDNTM giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Tây Ninh	
	Quyết định	1200/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	Quy định Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020	
	Kế hoạch	1729/KH-UBND ngày 30/6/2017	Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
	Quyết định	2096/QĐ-UBND ngày 06/9/2017	Kế hoạch thực hiện các CT MTQG giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Tây Ninh	
	Quyết định	1392/QĐ-UBND ngày 29/5/2018	Kế hoạch thực hiện CT MTQG XDNTM giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Tây Ninh	
	Kế hoạch	2745/QĐ-UBND ngày 12/11/2018	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM giai đoạn 2018-2020	
	Quyết định	2713/QĐ-UBND ngày 08/11/2018	Kế hoạch truyền thông, thông tin tuyên truyền Chương trình NTM giai đoạn 2016-2020	
	Quyết định	2746/QĐ-UBND ngày 12/11/2018	Danh mục dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018 - 2020	
	Quyết định	192/QĐ-UBND ngày 22/01/2018	Quy định Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019 - 2020	
	Kế hoạch	1331/KH-UBND ngày 26/6/2019	KH về thực hiện thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2020	

Phụ lục II

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số: 346 /BC-UBND ngày 02 / 10/2019 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn huy động	Giai đoạn 2010-2015	Giai đoạn 2016-2020	Trong đó:					Dự kiến nhu cầu 2021-2025
				2016	2017	2018	2019	Dự kiến 2020	
1	**Vốn ngân sách**	**2.440.645**	**3.174.533**	**539.416**	**527.855**	**906.241**	**402.610**	**798.411**	**5.000.000**
1.1	Vốn Đầu tư phát triển	2.395.094	2.907.663	462.657	485.560	875.634	359.554	724.258	4.715.251
a	Ngân sách Trung ương	571.697	484.626	65.400	67.850	64.478	104.904	181.994	682.886
-	*Ngân sách bố trí trực tiếp của NTM*	*102.880*	404.400	*45.400*	*48.230*	*51.100*	*91.100*	*168.570*	578.592
-	*Vốn lồng ghép (Giảm nghèo, hỗ trợ có mục tiêu)*	*468.817*	80.226	*20.000*	*19.620*	*13.378*	*13.804*	*13.424*	104.294
b	Ngân sách địa phương	1.823.397	2.423.037	397.257	417.710	811.156	254.650	542.264	4.032.365
-	*Ngân sách bố trí trực tiếp*	*1.120.171*	1.778.837	*342.706*	*353.680*	*459.270*	*174.650*	*448.531*	3.194.533
-	*Vốn lồng ghép*	*703.226*	644.200	*54.551*	*64.030*	*351.886*	*80.000*	*93.733*	837.832
1.2	Vốn sự nghiệp	45.551	266.870	76.759	42.295	30.607	43.056	74.153	284.750
-	*Ngân sách Trung ương*	*31.192*	161.955	*22.208*	*27.630*	*27.077*	*37.414*	*47.626*	210.542
-	*Ngân sách địa phương*	*14.359*	104.915	*54.551*	*14.665*	*3.530*	*5.642*	*26.527*	74.208
2	**Vốn tín dụng**	**7.034.352**	**4.365.020**	**612.380**	**442.390**	**668.000**	**1.218.600**	**1.423.650**	**5.674.526**
3	**Vốn doanh nghiệp, hợp tác xã**	**351.370**	**824.166**	**39.167**	**65.174**	**166.054**	**270.720**	**283.051**	**1.071.416**
4	**Vốn huy động cộng đồng dân cư**	**110.462**	**860.811**	**27.600**	**15.967**	**478.130**	**204.480**	**134.634**	**1.199.925**
-	Quy đổi từ hiến đất, hiện vật	30.576	301.032	9.700	5.589	167.053	71.568	47.122	391.342
-	Quy đổi từ ngày công lao động	58.743	387.547	12.400	7.185	215.361	92.016	60.585	503.811
-	Góp bằng tiền	21.143	172.232	5.500	3.193	95.716	40.896	26.927	223.902
5	**Tổng số (1+2+3+4)**	**9.936.829**	**9.224.530**	**1.218.563**	**1.051.386**	**2.218.425**	**2.096.410**	**2.639.746**	**12.945.867**

Phụ lục III
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH
(Kèm theo Báo cáo số 346/BC-UBND ngày 02/10/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư	Khối lượng		Kết quả thực hiện giai đoạn 2010-2015								Kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020							
		ĐVT	Số lượng	Tổng cộng	Trong đó:							Tổng cộng	Trong đó:						
					NSTW		NSĐP		Vốn huy động	Vốn lồng ghép	Vốn vay		NSTW		NSĐP		Vốn huy động	Vốn lồng ghép	Vốn vay
					ĐTPT	SN	ĐTPT	SN					ĐTPT	SN	ĐTPT	SN			
	TỔNG CỘNG			**9.936.829**	**102.880**	**31.192**	**1.120.171**	**14.359**	**461.832**	**1.172.043**	**7.034.352**	**9.188.702**	**368.148**	**143.286**	**1.778.837**	**104.915**	**1.684.977**	**743.519**	**4.365.020**
1	Nâng cao năng lực xây dựng NTM	người	5.270	2.722		2.662		60				2.062		2.046		16			
2	Truyền thông về xây dựng NTM	xã	80	5.685		5.605		80				10.670		7.070		3.600			
3	Giám sát, đánh giá	xã	80	4.831		4.631		200				10.845		10.620		225			
4	Quy hoạch xây dựng NTM	xã	80	24.773		13.059		11.714				2.496				2.496			
5	Phát triển hạ tầng - kinh tế xã hội			4.268.216	102.880		1.120.171		125.458	1.087.838	1.831.869	5.516.541	368.148	17.588	1.778.837	17.412	848.240	667.487	1.818.829
5.1	Giao thông	km	2.200	1.127.868	64.813		515.226		40.599	395.126	112.104	2.079.534	249.726		991.505		512.743	262.240	63.320
5.2	Thủy lợi	km	239	138.998	6.705		33.581		20.987	74.179	3.546	165.727	29.506		58.077		50.416	21.300	6.428
5.3	Điện nông thôn	C.trình	132	31.866					31.866			142.269					142.269		
5.4	Trường học	C.trình	278	769.004	6.200		449.859		20.000	292.945		922.835	66.818		592.460		20.000	243.557	
5.5	CSVC Văn hóa	C.trình	291	109.705	25.162		82.943		1.600			152.409	22.098		128.711		1.600		
5.6	Cơ sở hạ tầng thương mại	Chợ	15	20.621					5.512	15.109		20.880					5.512	15.368	
5.7	Trạm y tế xã	Trạm	66	218.539						218.539		14.567						14.567	
5.8	Nhà ở dân cư			690.762					4.894	37.866	648.002	843.140					115.700	46.576	680.864
5.9	Công trình cung cấp nước sinh hoạt	HTCN	36	71.666			38.562			33.104		24.463			8.084			16.379	
5.10	Công trình vệ sinh hộ gia đình			1.068.217							1.068.217	1.068.217							1.068.217
5.11	Duy tu bảo dưỡng công trình	C.trình		20.970						20.970		82.500		17.588		17.412		47.500	
6	Thông tin và truyền thông cơ sở	Đài	34	15.364						15.364		29.477		5.755		18.722		5.000	

TT	Nội dung đầu tư	Khối lượng		Kết quả thực hiện giai đoạn 2010-2015								Kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020							
		ĐVT	Số lượng	Tổng cộng	Trong đó:							Tổng cộng	Trong đó:						
					NSTW		NSĐP		Vốn huy động	Vốn lồng ghép	Vốn vay		NSTW		NSĐP		Vốn huy động	Vốn lồng ghép	Vốn vay
					ĐTPT	SN	ĐTPT	SN					ĐTPT	SN	ĐTPT	SN			
8	Giảm nghèo và an sinh xã hội			2.108.902					68.346	68.841	1.971.715	1.619.213				32.400	544.066	71.032	971.715
7	Phát triển SX theo chuỗi liên kết	DA	62	1.800.494		5.235					1.795.259	404.444		20.236		7.080			377.128
9	Hỗ trợ phát triển HTX	HTX		44.181							44.181	198.110		6.190		4.920	11.000		176.000
10	Phát triển ngành nghề nông thôn	HTX	3	0								17.715		17.715					
11	Đào tạo nghề phi nông nghiệp	người	21.170	2.021				2.021				14.145		6.113		8.032			
12	Đào tạo nghề nông nghiệp	người	21.360	284				284				20.427		10.415		10.012			
13	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân											10.000		10.000					
14	Phát triển giáo dục ở nông thôn			480.334							480.334	713.055		20.702					692.353
15	Vệ sinh môi trường nông thôn	DA		1.173.434					262.440		910.994	612.646		5.226			278.425		328.995
16	Đào tạo cho công chức xã	Người	5.996	0								2.500		2.500					
17	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn			5.588					5.588			4.356		1.110			3.246		

Phụ lục IV

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số: 346 /BC-UBND ngày 02 /10/2019 của UBND tỉnh)

TT	MỤC TIÊU	ĐVT	Thực trạng 12/2010	Thực hiện 12/2015	Thực hiện 9/2019	Dự kiến đến năm 2020	Mục tiêu đến năm 2025
1	**Mức đạt tiêu chí bình quân/xã**		3,1	12	15,7	16,8	18,9
2	**Mức đạt tiêu chí bình quân/xã biên giới**		1,6	6,4	13,6	18,3	19
3	**Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã**						
	Số xã đạt 19 tiêu chí			16	36	53	78
	Trong đó: Đã có QĐ công nhận			16	36	53	78
	Số xã đạt 18 tiêu chí			0	0		
	Số xã đạt 17 tiêu chí			1	3		
	Số xã đạt 16 tiêu chí			1	3		
	Số xã đạt 15 tiêu chí			1	4	4	2
	Số xã đạt 14 tiêu chí			8	11	2	
	Số xã đạt 13 tiêu chí			9	8	3	
	Số xã đạt 12 tiêu chí			7	5	18	
	Số xã đạt 11 tiêu chí			14	3		
	Số xã đạt 10 tiêu chí			8	2		
	Số xã đạt 09 tiêu chí			15	2		
	Số xã đạt 08 tiêu chí			0	4		
	Số xã đạt 07 tiêu chí		1		0		
	Số xã đạt 06 tiêu chí		2		1		
	Số xã đạt dưới 5 tiêu chí		77				
4	**Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí**						
	Số xã đạt tiêu chí Quy hoạch		0	80	80	80	80
	Số xã đạt tiêu chí Giao thông		0	16	39	53	78
	Số xã đạt tiêu chí Thủy lợi		0	52	75	76	80
	Số xã đạt tiêu chí Điện		36	72	75	78	80
	Số xã đạt tiêu chí Trường học		0	16	39	53	78
	Số xã đạt tiêu chí CSVC văn hóa		0	16	39	53	78
	Số xã đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		0	31	66	55	80
	Số xã đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông		62	80	80	80	80
	Số xã đạt tiêu chí Nhà ở dân cư		14	30	67	68	80
	Số xã đạt tiêu chí Thu nhập		3	25	53	62	75
	Số xã đạt tiêu chí Hộ nghèo		22	70	71	75	80
	Số xã đạt tiêu chí Lao động có việc làm		8	65	72	75	80
	Số xã đạt tiêu chí Tổ chức SX		3	55	66	68	75
	Số xã đạt tiêu chí Giáo dục và Đào tạo		0	36	68	70	80
	Số xã đạt tiêu chí Y tế		5	40	49	60	80
	Số xã đạt tiêu chí Văn hóa		54	78	76	76	76
	Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm		0	28	63	64	72
	Tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật		9	68	69	78	80
	Tiêu chí Quốc phòng và An ninh		28	76	76	76	76
5	**Một số chỉ tiêu cơ bản**						
	Thu nhập bình quân khu vực nông thôn/người/năm	tr.đ	17,3	33,4		49,6	70

	Tỷ lệ hộ nghèo	%	5,6	1,45		1,3	1,1
	Tỷ lệ lao động đang làm việc qua đào tạo	%	45	60		70	80
	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	26,92	70		81	95
	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia	%	85	97,5		98	99

Phụ lục V

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số: 346/BC-UBND ngày 02/10/2019 của UBND tỉnh)

Số TT	Huyện/TP	Xã biên giới	Năm đạt chuẩn và KH đạt chuẩn	Thực trạng 2010	Tiêu chí (đến tháng 9/2019)																		Tổng số tiêu chí đạt đến 9/2019	KH 2020	KH đến năm 2025
					Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	CSHT thương mại nông thôn	Thông tin và Truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh			
A	*B*				*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*			
TP Tây Ninh (3 xã)																									
1	Bình Minh		2014	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
2	Thạnh Tân		2019	3	1		1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1		1	1	1	1	16	19	19
3	Tân Bình		2020	4	1		1	1	1		1	1	1		1	1	1			1		1	1	13	19	19
Tổng số tiêu chí đạt				10	3	1	3	3	3	2	3	3	3	1	3	3	3	2	1	3	2	3	3	48	57	10
Bình quân tiêu chí/xã				3,3																				16,0	19,0	3
Huyện Tân Biên (9 xã)																										
1	Thạnh Bình		2014	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
2	Tân Lập	x	2015	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1		17	19	19
3	Tân Phong		2016	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1		17	19	19
4	Mỏ Công		2017	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	18	19	19
5	Hòa Hiệp	x	2018	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
6	Tân Bình	x		3	1		1	1			1	1	1		1	1	1			1	1	1	1	13	19	19
7	Trà Vong			1	1		1	1			1	1	1		1	1	1			1	1		1	12	13	19
8	Thạnh Bắc			1	1		1	1			1	1	1			1	1			1	1		1	11	12	19
9	Thạnh Tây			0	1		1	1			1	1	1	1	1	1	1			1	1	1	1	14	15	19
Tổng số tiêu chí đạt				18	9	5	9	9	5	5	9	9	9	6	8	9	9	5	2	9	9	7	7	140	154	171
Bình quân tiêu chí/xã				2,0																				15,6	17,1	19,0
Huyện Tân Châu (11 xã)																										
10	Thạnh Đông		2015	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
11	Tân Hưng		2018	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
12	Tân Hà	x	2018	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
13	Suối Ngô	x	2019	3	1		1	1			1	1	1	1	1	1	1	1		1	1		1	14	19	19
1	Tân Đông	x	2020	2	1		1	1			1	1			1	1		1		1				9	19	19
15	Tân Phú			1	1	1	1	1	1		1	1		1	1	1		1					1	12	13	19
16	Tân Thành			1	1		1	1				1				1							1	6	10	19
17	Tân Hòa	x		2	1		1	1			1	1		1	1	1	1			1			1	11	19	19
18	Suối Dây			1	1	1	1	1		1		1	1	1	1	1		1				1	1	13	14	19
19	Tân Hiệp			2	1		1	1			1	1				1		1					1	8	10	19
20	Tân Hội			3	1		1	1				1			1	1		1		1			1	9	10	19
Tổng số tiêu chí đạt				22	11	5	11	11	4	4	8	11	5	7	9	11	5	9	3	7	4	4	10	139	171	209
Bình quân tiêu chí/xã				2,0																				12,6	15,5	19,0
Huyện D.M.Châu (10 xã)																										
21	Bến Củi		2014	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
22	Chà Là		2015	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
23	Phước Ninh		2016	6	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
24	Cầu Khởi		2018	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
25	Phan			4	1		1	1				1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	14	19	19
26	Truông Mít			5	1		1					1		1	1	1	1	1	1	1		1		11	14	19
17	Suối Đá			3	1		1					1				1		1	1	1	1	1	1	10	13	19
28	Lộc Ninh			3	1		1					1			1	1				1		1	1	8	11	19
29	Phước Minh			2	1							1			1	1		1		1		1	1	8	11	19
30	Bàu Năng			2	1							1		1	1	1				1		1	1	8	11	19
Tổng số tiêu chí đạt				33	10	4	8	5	4	4	4	10	4	7	9	10	6	8	7	10	6	10	9	135	155	190
Bình quân tiêu chí/xã				3,3																				13,5	15,5	19,0
Huyện C. Thành (14 xã)																										

Số TT	Huyện/TP	Xã biên giới	Năm đạt chuẩn và KH đạt chuẩn	Thực trạng 2010	Tiêu chí (đến tháng 9/2019)																			Tổng số tiêu chí đạt đến 9/2019	KH 2020	KH đến năm 2025
					Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	CSHT thương mại nông thôn	Thông tin và Truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh			
34	Thanh Điền		2015	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
35	An Bình		2015	3	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	19	19
36	Thái Bình		2017	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
37	Hòa Hội	x	2018	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
38	Ninh Điền	x	2019	1	1		1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	16	19	19
39	Phước Vinh	x	2020	4	1		1	1			1	1	1	1		1		1	1	1	1	1	1	14	19	19
40	Đồng Khởi			4	1		1	1			1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	14	15	19
41	Trí Bình			4	1		1	1			1	1	1		1	1	1	1		1		1	1	13	14	19
42	An Cơ			2	1		1	1			1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	15	15	16
43	Thành Long	x		4	1		1	1			1	1			1	1	1	1		1	1	1	1	13	14	19
44	Hòa Thạnh	x		3	1		1	1			1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	15	19	19
45	Biên Giới	x		3	1		1	1			1	1	1			1	1	1	1	1			1	12	14	19
46	Hảo Đước			2	1		1	1			1	1	1		1	1	1			1	1	1	1	13	14	19
47	Long Vĩnh			4	1		1	1			1	1	1	1	1	1		1	1	1		1	1	14	15	16
Tổng số tiêu chí đạt				45	14	4	14	14	4	4	14	13	13	8	11	14	12	13	10	14	11	13	14	214	234	260
Bình quân tiêu chí/xã				3,2																				15,3	16,7	18,6
Huyện Hòa Thành (7 xã)																										
48	Long Thành Trung		2014	7	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
49	Long Thành Bắc		2015	6	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
50	Long Thành Nam		2016	5	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
53	Trường Tây		2017	5	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
52	Trường Đông		2018	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
51	Trường Hòa		2019	4	1		1	1			1		1		1	1	1	1		1	1	1	1	13	19	19
54	Hiệp Tân		2019	4	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	17	19	19
Tổng số tiêu chí đạt				35	7	6	7	7	5	6	7	6	7	6	7	7	7	7	5	7	7	7	7	125	133	133
Bình quân tiêu chí/xã				5,0																				17,9	19,0	19,0
Huyện Gò Dầu (8 xã)																										
55	Phước Trạch		2014	3	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	19	19
56	Phước Đông		2015	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
57	Bàu Đồn		2016	5	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
58	Thanh Phước		2017	5	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
61	Phước Thạnh		2018	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
59	Cẩm Giang			4	1			1			1	1	1		1	1	1	1		1	1	1	1	13	15	19
60	Thạnh Đức			5	1		1	1			1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	15	16	19
62	Hiệp Thạnh			3	1		1	1				1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	14	16	19
Tổng số tiêu chí đạt				32	8	5	7	8	5	5	7	7	8	5	8	8	8	8	7	8	8	8	8	136	142	152
Bình quân tiêu chí/xã				4,0																				17,0	17,8	19,0
Huyện Bến Cầu (8 xã)																										0
63	Long Khánh	x	2015	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	19	19
64	Long Phước	x	2015	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
65	Long Thuận	x	2016	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
66	Long Chữ		2018	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
67	Lợi Thuận	x	2019	3	1		1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	16	19	19
68	Tiên Thuận	x		1	1		1	1			1	1	1	1	1	1		1	1	1		1	1	14	15	19
69	An Thạnh			4	1		1	1				1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	13	14	19
70	Long Giang			2	1		1	1			1	1	1	1	1	1		1		1	1	1	1	14	15	19
Tổng số tiêu chí đạt				19	8	4	8	8	4	4	7	7	8	8	7	8	6	8	6	8	7	8	8	132	139	152
Bình quân tiêu chí/xã				2,4																				16,5	17,4	19,0
Huyện Trảng Bàng (10 xã)																										
71	An Tịnh		2014	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
72	An Hòa		2015	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
73	Lộc Hưng		2016	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19

Số TT	Huyện/TP	Xã biên giới	Năm đạt chuẩn và KH đạt chuẩn	Thực trạng 2010	Tiêu chí (đến tháng 9/2019)																			Tổng số tiêu chí đạt đến 9/2019	KH 2020	KH đến năm 2025
					Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	CSHT thương mại nông thôn	Thông tin và Truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh			
74	Gia Lộc		2017	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
75	Bình Thạnh	x	2018	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19	19
76	Phước Chỉ	x	2020	3	1		1	1			1		1		1	1	1		1	1	1	1	1	13	15	19
77	Phước Lưu			4	1		1	1				1	1			1	1		1	1			1	10	12	19
78	Gia Bình			5	1		1	1			1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	15	16	19
79	Hưng Thuận			5	1			1				1	1		1	1	1	1		1	1	1	1	12	13	19
80	Đôn Thuận			5	1			1				1	1		1	1	1	1		1	1	1	1	12	13	19
Tổng số tiêu chí đạt				42	10	5	8	10	5	5	7	9	10	5	9	10	10	8	8	10	9	9	10	157	164	190
Bình quân tiêu chí/xã				3,7																				15,7	16,4	19,0